

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGÔ VĂN DUYÊN**

**HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN  
XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỰ THỰC TIỄN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

**Hà Nội - 2020**

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGÔ VĂN DUYÊN**

**HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN**  
**XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỰ THỰC TIỄN**  
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự**

**Mã số: 8380104**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**  
**PGS.TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN**

**Hà Nội - 2020**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân tôi. Số liệu, các ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**Tác giả luận văn**

**Ngô Văn Duyên**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG BÀO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ</b> .....	7
1.1. Những vấn đề lý luận về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự .....	7
1.2. Quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự .....	19
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG BÀO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG</b> .....	37
2.1. Các yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng .....	37
2.2. Tổng quan thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng .....	44
2.3. Đánh giá thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng .....	56
<b>Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG BÀO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ</b> .....	66
3.1. Yêu cầu của cải cách tư pháp về vấn đề nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa .....	66
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật .....	68
3.3. Các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự .....	72
<b>KẾT LUẬN</b> .....	79
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	80

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQTHTT	Cơ quan tiến hành tố tụng
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
NBC	Người bào chữa
NBBT	Người bị buộc tội
THTT	Tiến hành tố tụng
VAHS	Vụ án hình sự
VKS	Viện kiểm sát
XXST	Xét xử sơ thẩm

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Bảng số liệu về số lượng luật sư trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm 2015 đến năm 2019.....	38
Bảng 2.2: Tổng số vụ án hình sự có luật sư tham gia tại thành phố Hải Phòng.....	56
Bảng 2.3. Kết quả hoạt động bào chữa của luật sư tại thành phố Hải Phòng trong các vụ án hình sự .....	57

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống cơ quan tư pháp nói chung. Tòa án thực hiện xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can, điều tra, truy tố, xét xử là một chuỗi mắt xích có mối liên hệ mật thiết với nhau. Khi xét xử, Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân được bình đẳng trước pháp luật, đảm bảo dân chủ, khách quan trong quá trình xét xử vụ án. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Phán quyết của Tòa án căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ khách quan của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị can, bị cáo, bị hại và những tình tiết khách quan khác.

Giai đoạn xét xử là hoạt động trọng tâm, có nhiệm vụ xác định sự thật của vụ án nên trong vụ án hình sự hoạt động của Luật sư được thể hiện tập trung, đầy đủ nhất ở giai đoạn xét xử, đặc biệt là xét xử sơ thẩm. Hoạt động của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng như ở các giai đoạn tố tụng khác không những góp phần bảo vệ công lý mà còn góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ. Góp phần tích cực trong việc bảo vệ nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được trung thực, khách quan, đúng pháp luật.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/07/2016 đã có nhiều điểm mới quy định về quyền của Luật sư trong Tố tụng hình sự nhất là ở giai đoạn tham gia xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định cụ thể sự tham gia tố tụng của người bào chữa và xóa bỏ những cản trở đã từng xảy ra khi thực thi Bộ luật tố tụng hình sự 2003. Bộ luật hình sự năm 2015 đã dành một chương riêng (Chương V) quy định về người bào chữa, người bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Đây có thể coi là những nội dung gần như hoàn toàn mới, tiến bộ, phản ánh tố tụng hình sự Việt Nam thực hiện đúng chân lý bất di bất dịch của loài người đã được ghi nhận trong tư pháp hình sự: Ở đâu có sự buộc tội thì ở đó có sự gỡ tội. Lần đầu tiên khái niệm người bào chữa được ghi nhận trong Bộ luật hình sự. Điều 72 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào*

*chữa*”. Đồng thời, Bộ luật hình sự năm 2015 không bó hẹp sự tham gia của người bào chữa trong vụ án hình sự.

Bộ luật Tố tụng hình sự là nền tảng cho luật sư trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tố tụng của mình, bảo đảm quyền bào chữa của các đương sự trong vụ án. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã mở ra và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động bào chữa thực hiện trong việc gỡ tội. Tuy nhiên, bên cạnh đó trong quá trình thực hiện hoạt động bào chữa còn gặp không ít những bất cập, khó khăn trong việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự của Cơ quan tiến hành tố tụng. Tại địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng, hoạt động bào chữa của luật sư cũng như vị trí của luật sư đã được chú trọng hơn trong hoạt động tố tụng hình sự và nhất là trong quá trình xét xử tại phiên tòa. Tuy nhiên do chính sách pháp luật chưa hoàn thiện, cộng thêm nhận thức của người dân chưa thực sự tin tưởng vào luật sư trong tố tụng hình sự và nhận thức pháp luật của những người bị buộc tội còn hạn chế... nên hoạt động bào chữa trong thực tiễn xét xử còn chưa thực sự được khẳng định và đạt hiệu quả cao.

Vì vậy, tác giả làm luận văn với đề tài “ *Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*” với hi vọng sẽ góp phần trong việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật Tố tụng hình sự, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hình sự một cách nhanh chóng, kịp thời, công minh và đúng pháp luật. Góp phần nâng cao hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói chung và trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng được thực hiện một cách hiệu quả.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Đối với đề tài về quyền, nghĩa vụ, chức năng, vai trò cũng như hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đến nay cũng đã khá nhiều công trình khoa học nghiên cứu. Các bài viết, các công trình nghiên cứu khoa học cũng đã thể hiện được tương đối rõ đôi nét về địa vị pháp lý, hoạt động luật sư khi tham gia quá trình tố tụng hình sự và giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, mỗi bài viết và công trình nghiên cứu khoa học lại thể hiện rõ ở một góc độ nghiên cứu riêng và từng giai đoạn phát triển của nền tố tụng hình sự theo chuyển biến của thời gian. Mỗi công trình nghiên cứu đều tô đậm về địa vị pháp lý, hoạt động luật sư trong quá trình tham gia tố tụng hình sự, góp phần hữu ích cho việc nghiên cứu, học tập và áp dụng pháp luật trong thực tiễn đối với hoạt động bào chữa của luật sư. Sự chuyển biến về thời gian phát triển của xã hội, cùng với đó là sự phát triển theo của nền tư pháp Việt Nam nên thực tiễn áp dụng pháp luật chưa có sự linh hoạt. Thực trạng về đảm bảo quyền, nghĩa vụ và hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự



và nhất là trong giai đoạn xét xử sơ thẩm còn chưa đảm bảo triệt để, vì vậy cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa. Đối với đề tài “*Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*” cho đến nay chưa có bất kỳ một công trình nghiên cứu khoa học nào được nghiên cứu từ thực tiễn ở Hải Phòng.

Một số bài viết, công trình nghiên cứu khoa học liên quan như:

- Ngô Thị Ngọc Vân (2016), *Hoạt động bào chữa của Luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án Tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Luận án đã làm rõ một số vấn đề lý luận về hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án vụ án hình sự như khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án vụ án hình sự; Phân tích được cơ sở pháp lý đối với hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án vụ án hình sự; đánh giá được thực trạng hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án vụ án hình sự ở Việt Nam; đồng thời phân tích, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật tố tụng hình sự về hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án vụ án hình sự, những vướng mắc trong áp dụng cũng như nguyên nhân của nó. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất được một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án vụ án hình sự với những luận giải mang tính thuyết phục [39].

- Nguyễn Văn Phương (2014), *Vai trò của luật sư – người bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã đưa ra được một số vấn đề lý luận về vai trò của luật sư – người bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như luận văn đã nêu và phân tích về địa vị pháp lý và vai trò của luật sư – người bào chữa trong tố tụng hình sự. Luận văn cũng đưa ra được các quy định pháp luật hiện hành về vai trò luật sư – người bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự và thực trạng hoạt động của luật sư bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Nêu ra những kết quả đạt được và những hạn chế của hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Từ những hạn chế đó thì luận văn cũng đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của luật sư – người bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự [28].

- Phạm Hồng Hải (2003), *Vị trí của luật sư bào chữa trong phiên tòa xét xử*, Tạp chí luật học số 5/2003. Bài viết đã phân tích về vai trò bào chữa của luật sư trong phiên tòa xét xử, thể hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Sự tham gia của luật sư tạo điều kiện cho tố tụng vụ án hình sự đạt được những mục

đích đặt ra và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; phân tích sự tham gia của luật sư với tư cách là người bào chữa trong phiên tòa xét xử. Giai đoạn xét xử trong bào viết được tác giả phân tích theo nghĩa rộng bao gồm cả phần chuẩn bị xét xử. Bài viết cũng khẳng định sự tham gia của luật sư đã được BLTTHS quy định về các quyền và nghĩa vụ cụ thể [17].

- Đào Thị Nga, Nguyễn Trí Chinh (2012), *Hoạt động của luật sư trong giai đoạn xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 19, kỳ I tháng 10/2012. Bài viết đã phân tích một cách khá chi tiết về những thuận lợi, khó khăn của luật sư khi tham gia tố tụng hình sự, cụ thể như thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận tham gia bào chữa của luật sư trong các giai đoạn tố tụng; khó khăn trong việc sao chụp hồ sơ, tài liệu chứng cứ của vụ án; khó khăn trong quá trình tham gia bào chữa tại phiên tòa của luật sư. Từ những khó khăn trên thì tác giả đã đưa ra những kiến nghị, đề xuất nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động hành nghề của luật sư trong các giai đoạn tố tụng. Những kiến nghị, đề xuất góp phần giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có những giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của luật sư trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự [21].

Ngoài ra còn có những công trình nghiên cứu khác có liên quan như: TS.LS Phan Trung Hoài: *“Hoàn thiện pháp luật về luật sư ở Việt Nam”* (NXB Tư pháp, 2006); TS. Nguyễn Văn Tuân: *“Thực trạng tranh tụng và vấn đề nâng cao vai trò của luật sư trong tranh tụng trước yêu cầu cải cách tư pháp”*; Lê Văn Quyến: *“Vai trò của luật sư trong hoạt động xét xử hình sự ở nước ta hiện nay”* (Tạp chí Dân chủ và pháp luật); LS.Vũ Gia Trường – VPLS Phạm Hồng Hải: *“Vai trò của luật sư trong việc thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong vụ án hình sự”*. Các công trình nghiên cứu này cũng đã thể hiện được tương đối rõ nét về vai trò luật sư, hoạt động bào chữa của luật sư trong tố tụng hình sự có giá trị trong việc nghiên cứu, học tập và áp dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, do sự chuyển biến về thời gian và thực tiễn áp dụng pháp luật có nhiều thay đổi nên cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động bào chữa nhất là hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, để từ đó chỉ ra những bất cập, khó khăn và nguyên nhân của những bất cập đó và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của luận văn là nghiên cứu về mặt lý luận, hệ thống các quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, từ đó, phân tích đánh giá một cách toàn diện hệ thống pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp

luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng nhằm đưa ra một số giải pháp, nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Trên cơ sở các mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Phân tích, đánh giá và làm rõ quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Đánh giá, làm rõ thực tiễn hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng trên cơ sở số liệu cụ thể, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của nó làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và phát huy vai trò chủ động của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Những vấn đề về lý luận, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động bào chữa của luật sư (luật sư bào chữa) và người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Thực tiễn về hoạt động bào chữa của luật sư và của người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Đây là đề tài có phạm vi nghiên cứu khá rộng. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn xung quanh hoạt động bào chữa của luật sư và hoạt động bào chữa của người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo quy pháp luật Việt Nam hiện hành trong mối liên quan với quy định của BLTTHS năm 2003. Luận văn không nghiên cứu hoạt động bào chữa của bào chữa viên nhân dân, trợ giúp viên pháp lý và người đại diện của người bị buộc tội.

Về thực tiễn, luận văn nghiên cứu và đánh giá hoạt động của luật sư bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại thành phố Hải Phòng trong thời gian 05 năm (từ năm 2015 đến năm 2019).

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận duy vật lịch sử và duy vật biện chứng luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương đường lối của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền, chính sách hình sự, phương hướng nhiệm vụ cải cách tư pháp.

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận văn tác giả còn sử dụng một số phương pháp khác như: phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phân tích, đánh giá, tổng hợp, đối chiếu, thống kê ....

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận:**

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học tương đối toàn diện về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự góp phần bổ sung và làm rõ hơn những vấn đề lý luận về hoạt động của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, như khái niệm, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa hoạt động của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn:**

Từ việc nghiên cứu thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng luận văn đưa ra đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật cũng như góp phần nâng cao hoạt động bào chữa trong tổ tụng hình sự ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, góp phần giải quyết các vụ án hình sự một cách khách quan, toàn diện, nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Ngoài ra, luận văn còn góp phần xây dựng pháp luật, áp dụng một cách triệt để pháp luật trên tinh thần thượng tôn pháp luật.

Kết quả của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu, giảng dạy ở các trường nghiệp vụ, giảng dạy và thực tiễn áp dụng pháp luật.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Kết cấu của luận văn gồm bốn phần là mở đầu, nội dung, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo. Phần nội dung luận văn gồm ba chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

*Chương 2:* Thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng.

*Chương 3:* Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

**Chương 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**  
**VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ**  
**SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**1.1. Những vấn đề lý luận về hoạt động bảo chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

**1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động bảo chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

**1.1.1.1. Khái niệm hoạt động bảo chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

Để xây dựng và đưa ra được khái niệm của hoạt động bảo chữa của luật sư bào chữa và người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì cần nhận thức một cách đầy đủ nội hàm các khái niệm có liên quan như: khái niệm bào chữa, khái niệm hoạt động bảo chữa, khái niệm giai đoạn xét xử sơ thẩm, khái niệm vụ án hình sự. Điều đó cũng đồng nghĩa việc làm rõ các khái niệm trên để có cách nhìn bao quát và đưa ra được khái niệm của hoạt động bảo chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

*Khái niệm bào chữa*

Đã từ lâu khái niệm “bào chữa” đã được ghi nhận là quyền hiến định của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự. Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ công hòa năm 1946 tại Điều 67 đã quy định “ Người bị cáo được tự bào chữa hoặc nhờ luật sư”. Điều 5 Sắc lệnh ngày 13/9/1945 về thiết lập các Tòa án quân sự quy định “bị cáo có thể tự bào chữa hay nhờ một người khác bên vực cho”. Quy định về bào chữa cũng đã được thể hiện và thực hiện một cách xuyên suốt trong các Bộ luật tố tụng hình sự của Việt Nam, ngày từ khi bắt đầu có BLTTHS năm 1988 thì “bào chữa” đã được mở rộng cho cả đối với bị can chứ không dừng lại là đối với bị cáo. Đến BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 cũng tiếp tục quy định “bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa”.

Tuy nhiên, hiện nay trong khoa học pháp lý cũng như thực tiễn còn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm “bào chữa”. Nếu được hiểu theo nghĩa rộng thì “bào chữa” có các quan điểm như sau: Theo Từ điển Tiếng Việt: “Bào chữa là dùng lý lẽ và chứng cứ để bên vực cho đương sự nào đó thuộc vụ án hình sự hay dân sự trước tòa án hoặc cho một việc làm đang bị lên án”[25, tr.38]. Hay bào chữa là dùng

lời lẽ, chúng có để bên vực một bên [25, tr.133]. Còn “Tự bào chữa là tự mình thực hiện ...” [25, tr.151].

Còn hiểu “bào chữa” là một khái niệm khoa học pháp lý thì cũng còn có nhiều quan điểm khác nhau như: “bào chữa là toàn bộ những hành vi tố tụng nhằm xác định sự vô tội của bị cáo hoặc giảm nhẹ trách nhiệm cho họ gọi là sự bào chữa” [41, tr.16]. Bên cạnh đó, khái niệm bào chữa còn được hiểu: “Bào chữa là quyền của bị can, bị cáo được đưa ra các chứng cứ, lý lẽ, được đặt câu hỏi, được tranh luận trong giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử” [22, tr.27] hay “Bào chữa là việc dùng lý lẽ, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo” [23].

Ngoài ra, tác giả người nước ngoài Ph.N.Phatkulin trong cuốn “Buộc tội và bào chữa trong vụ án hình sự” cũng đưa ra khái niệm: “ Bào chữa trong tố tụng hình sự không chỉ là tổng hoà các hành vi tố tụng hướng tới việc bác bỏ sự buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm mà còn là tổng hoà các mối quan hệ tố tụng nhằm tới mục đích làm cho tình trạng của người bị buộc tội tốt hơn và bảo đảm các quyền và lợi ích của người đó trong vụ án” [43].

Tác giả Ngô Thị Ngọc Vân cũng đưa ra khái niệm bào chữa như sau: “Bào chữa là tổng hoà các hành vi do người bị buộc tội hoặc người bào chữa của họ thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội trong vụ án hình sự”. [39, tr.38].

Các quan điểm trên nhìn chung đã đưa ra được khái niệm “bào chữa” một cách tổng quát và đều xuất phát từ nội dung bào chữa là việc dùng lý lẽ, chứng cứ để biện minh hoặc bên vực cho hành vi của người nào đó. Tuy các khái niệm trên còn chưa đầy đủ, cụ thể nhưng nhìn chung các khái niệm đã chỉ rõ bản chất của việc bào chữa là những hoạt động chống lại việc buộc tội.

Như vậy, theo quan điểm của tác giả thì: *Bào chữa là hoạt động tố tụng của người bị buộc tội, người bào chữa dùng những lý lẽ, chứng cứ để chống lại sự buộc tội, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội trong vụ án hình sự.*

#### *Khái niệm hoạt động bào chữa*

Cũng như khái niệm “bào chữa” thì khái niệm “hoạt động” hiện nay trong thực tiễn cũng như trong lý luận khoa học đang còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Theo Từ điển Tiếng Việt: “Hoạt động là tiến hành những việc làm có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm một mục đích nhất định trong đời sống xã hội” [24].

Theo giáo trình tâm lý học đại cương, Nhà xuất bản Đại học sư phạm về cấu trúc của hoạt động thì: “Cấu trúc tâm lý của hoạt động là phương thức hoạt động bao gồm 6 thành tố: động cơ, mục đích, điều kiện, hoạt động, hành động, thao tác”. Sáu thành tố vừa kể trên cùng với mối quan hệ qua lại giữa chúng tạo thành cấu trúc vĩ mô của hoạt động. Các mối quan hệ này không sẵn có, mà là sản phẩm nảy sinh trong sự vận động của hoạt động và được chia thành hai hàng. Hàng thứ nhất là động cơ – mục đích – điều kiện, thể hiện nội dung, tính chất của hoạt động. Hàng thứ hai là hoạt động – hành động – thao tác, thể hiện phương thức và các đơn vị thực hiện hoạt động [13].

Như vậy, hoạt động được hiểu là tổng thể những việc làm (hành vi, thao tác, động cơ) có quan hệ với nhau nhằm một mục đích nhất định.

Cơ sở làm phát sinh hoạt động bào chữa trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng chính là quyền bào chữa của người bị buộc tội (bao gồm: người bị bắt, tạm giữ, bị can, bị cáo). Một trong những quyền được xem là quyền con người đó là người bị buộc tội có quyền đưa ra các bằng chứng, căn cứ chứng minh về sự không có lỗi hoặc giảm chịu trách nhiệm hình sự trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đó được coi là nội dung của quyền bào chữa trong tố tụng hình sự. Quyền bào chữa của người bị buộc tội bao gồm quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa. Người khác bào chữa ở đây bao gồm: Luật sư; Người đại diện của người bị buộc tội; Bào chữa viên nhân dân; Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Trong phạm vi bài luận văn tác giả chỉ đề cập đến hoạt động bào chữa của người bào chữa là luật sư.

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm quyền bào chữa: Theo Giáo trình Luật tố tụng hình sự thì “*Quyền bào chữa là tất cả các quyền mà pháp luật quy định để chống lại sự buộc tội*” [14, tr.49]. Hay “*Quyền bào chữa là tổng hợp các hành vi tố tụng của bị can, bị cáo trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật nhằm đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước các cơ quan tiến hành tố tụng*” [6, tr.59].

Theo tác giả Võ Khánh Vinh: “*Quyền bào chữa là tổng hợp các quyền tố tụng tạo khả năng cho bị can, bị cáo bào chữa về hành vi do mình thực hiện đã bị buộc tội và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khác*” [41, tr.71].

Tác giả Phạm Hồng Hải: “*Trong tố tụng hình sự, quyền bào chữa chỉ xuất hiện ở chỗ mà ở đó có sự buộc tội và quyền bào chữa thuộc về người nào khi người đó bị buộc tội*” [16, tr.26, 27].

Từ những phân tích trên cho thấy: *Hoạt động bào chữa được hiểu là tất cả những việc mà pháp luật tổ tụng hình sự cho phép người bị buộc tội, người bào chữa thực hiện nhằm bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội, giảm nhẹ tội hoặc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can và bị cáo trong vụ án hình sự.*

#### *Khái niệm vụ án hình sự*

Hiện nay, khái niệm “vụ án hình sự” chưa có tác giả nào đưa ra khái niệm một cách rõ ràng, cụ thể, đầy đủ. Tuy nhiên, theo quy định của BLTTHS thì khái niệm vụ án hình sự được hiểu như sau: Vụ án hình sự được bắt đầu từ khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội [31]. Một vụ án hình sự thông thường bao gồm 05 giai đoạn tố tụng: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Khi bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì cá nhân, pháp nhân bị khởi tố đó có thể sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh, đặt tiền để bảo đảm hoặc các biện pháp cưỡng chế như: áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản.

Trong một vụ án hình sự được giải quyết thì bắt buộc có một hệ thống cơ quan tư pháp chặt chẽ, đầy đủ và mỗi cơ quan thực hiện một chức năng riêng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đó. Các cơ quan đó gọi chung là cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án. Trình tự, thủ tục để giải quyết một vụ án hình sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định về pháp luật hình sự.

Khi kết thúc vụ án thì hậu quả pháp lý là Tòa án có thể buộc bị cáo chịu một trong các hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự; Các hình phạt đối với người phạm tội được quy định tại Điều 32 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Các hình phạt đối với pháp nhân thương mại được quy định tại Điều 33 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Vì vậy, *Vụ án hình sự là vụ việc được bắt đầu từ khi có dấu hiệu tội phạm xảy ra đã được quy định trong Bộ luật hình sự được cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự để tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử theo trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Hậu quả pháp lý của vụ án hình sự là*



*Tòa án ra bản án, quyết định áp dụng hình phạt tương ứng hoặc các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát như quyết định đình chỉ điều tra, quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án...*

*Khái niệm giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

Trong một vụ án hình sự thông thường gồm 05 giai đoạn: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Giai đoạn xét xử được xem là giai đoạn trung tâm của quá trình giải quyết vụ án hình sự, ở giai đoạn xét xử, sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung liên quan đến vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ thì Tòa án xem xét, xác định có tội phạm xảy ra hay không, ai là người thực hiện hành vi phạm tội, mức hình phạt áp dụng như thế nào và ra phán quyết cuối cùng để quyết định. Theo Hiến pháp năm 2013 thì Tòa án là nơi thể hiện tập trung nhất về quyền tư pháp, nơi mà chỉ có cơ quan Tòa án nhân danh Nhà nước để đưa ra phán quyết cuối cùng, thể hiện quyền lực Nhà nước, phản ánh đầy đủ, sâu sắc và khách quan bản chất của nền công lý. Được thể hiện bằng Bản án, quyết định. Khi Bản án, quyết định đó có hiệu lực pháp luật thì phải được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành [30].

Pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay có hai cấp xét xử là xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, trong đó xét xử sơ thẩm đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” [30, Điều 102].

“Xét xử” được nói khái quát là xem xét và xử các vụ án (xét xử tội phạm, đưa vụ án ra xét xử, hội đồng xét xử) [38].

Hiện nay pháp luật chưa có quy định rõ ràng về khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, nên thực tiễn cũng như trong khoa học pháp lý vẫn đang còn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Trên phương diện khoa học pháp lý hình sự: Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được xem là lần đầu tiên đưa vụ án ra xét xử tại Tòa án có thẩm quyền. Tòa án nhân danh Nhà nước đưa ra phán quyết đối với vụ án bằng bản án, quyết định. Nếu hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà không có kháng cáo, kháng nghị đối với Bản án, quyết định thì Bản án, quyết định đó là cuối cùng và có hiệu lực pháp luật.

Tác giả Đinh Văn Quế: “Xét xử sơ thẩm là một giai đoạn tố tụng mà ở đó đòi hỏi những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải tập trung trí tuệ xử lý các tình huống một cách nhanh chóng, các lý lẽ đưa ra không chỉ chính xác mà phải có tính thuyết phục, đồng thời lại phải tuân theo những quy định của pháp luật”

[29, tr.7]. Hay Xét xử sơ thẩm là giai đoạn trung tâm, quyết định quá trình giải quyết vụ án từ khi khởi tố, điều tra đến khi đưa bị cáo ra tòa [29, tr.131]

Tác giả Võ Thị Kim Oanh: “*Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động nhà nước do Tòa án thực hiện ở cấp xét xử thứ nhất nhằm xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ, các tài liệu của vụ án hình sự, trên cơ sở đó ra bản án, quyết định để xác định có hành vi phạm tội hay không? Người thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt được áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết các vấn đề khác có liên quan trong vụ án hình sự*” [27, tr.14].

Nhìn chung các tác giả đều đưa ra tương đối đầy đủ và bao hàm hết những dấu hiệu cơ bản của xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tác giả đồng tình cùng với quan điểm của tác giả Nguyễn Thị Kim Oanh.

Như vậy, *Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự. Tòa án có thẩm quyền ở cấp thứ nhất thực hiện việc xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án để xác định một người hoặc một pháp nhân thương mại có thực hiện hành vi phạm tội hay không, để từ đó đưa ra bản án, quyết định phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội theo quy định của pháp luật. Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và kết thúc khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc.*

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, người bị buộc tội tham gia tố tụng với tư cách là bị can, bị cáo. Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự. Bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử.

Từ những phân tích của các khái niệm: khái niệm bào chữa, khái niệm hoạt động bào chữa, khái niệm giai đoạn xét xử sơ thẩm, khái niệm vụ án hình sự thì khái niệm hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được rút ra như sau:

*Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là tất cả những hoạt động mà pháp luật tố tụng hình sự cho phép bị can, bị cáo, người bào chữa thực hiện nhằm bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội, giảm nhẹ tội hoặc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị buộc tội (bị can, bị cáo) được bắt đầu kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc.*

1.1.1.2. *Đặc điểm của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

Từ khái niệm đã phân tích ở trên thì hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có những đặc điểm sau:

*Thứ nhất:* Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc, thủ tục luật định.

Mặc dù pháp luật cho phép người bị buộc tội và người bào chữa được thực hiện các hoạt động để bảo vệ quyền, lợi hợp pháp cho người bị buộc tội nhưng điều đó không có nghĩa là người bị buộc tội và người bào chữa được phép thực hiện các hoạt động bất hợp pháp. Pháp luật tố tụng hình sự quy định về trình tự, thủ tục về các hoạt động mà người bị buộc tội và người bào chữa được phép thực hiện; quy định về các nguyên tắc định hướng cho việc thực hiện hoạt động bào chữa. Đồng thời BLTTHS cũng quy định cụ thể về các quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội và người bào chữa trong hoạt động bào chữa để điều chỉnh các hành vi của người bị buộc tội và người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Mặt khác, người bào chữa là luật sư còn phải thực hiện hoạt động bào chữa trong phạm vi quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của mình và pháp luật về luật sư có liên quan.

Mọi hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của người bào chữa sẽ bị xử lý tùy theo mức độ nghiêm trọng của hành vi

*Thứ hai:* Cơ sở làm phát sinh hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là quyền bào chữa của người bị buộc tội (bao gồm: bị can, bị cáo)

Tại khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận cụ thể về quyền bào chữa của người bị buộc tội như sau: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”[30]. So với các bản Hiến pháp trước đây thì Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng phạm vi các đối tượng có quyền bào chữa, không chỉ bị cáo mới có quyền bào chữa mà ngay từ khi một người bị bắt thì đã phát sinh quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho họ.

Trong BLTTHS năm 2015 cũng đã ghi nhận và quy định quyền bào chữa của người bị buộc tội và việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội cũng được xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự, được quy định tại Điều 16 BLTTHS năm 2015. Hơn nữa, theo các quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61 thì quyền bào chữa chỉ có riêng của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì quyền này xuất hiện từ khi Tòa án có thẩm quyền thụ lý vụ án cho đến khi tòa án ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, khi xuất hiện quyền bào chữa thì hoạt động bào chữa xuất hiện. Tuy nhiên, hoạt động bào chữa của người bào chữa (luật sư bào chữa) xuất hiện thông qua

việc người bị buộc tội nhờ bào chữa cho họ. Hay cơ sở làm phát sinh hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là quyền bào chữa của người bị buộc tội.

*Thứ ba:* Mục đích của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hướng đến việc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội, giảm nhẹ tội hoặc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị buộc tội.

Hoạt động của con người là tổng thể những việc làm có mối quan hệ với nhau nhằm thực hiện một mục đích nhất định. Hoạt động bào chữa nhằm mục đích bào chữa. Đối tượng được bào chữa là người bị buộc tội. Nội hàm của bào chữa trong tố tụng hình sự được hiểu là chống lại sự buộc tội hay bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội hoặc thực hiện với mục đích giảm nhẹ tội để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội. Khi thực hiện các hoạt động bào chữa thì người bị buộc tội và người bào chữa thực hiện các hoạt động trên cơ sở tìm ra các chứng cứ gỡ tội, các vấn đề giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật hoặc các vấn đề về nhân thân có lợi cho người bị buộc tội. Tùy vào từng mục đích cụ thể mà người bị buộc tội hoặc người bào chữa thực hiện các hành vi khác nhau để đạt được mục đích đó.

*Thứ tư:* Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và kết thúc khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc.

Quyền bào chữa của người bị buộc tội xuất hiện trong tất cả các giai đoạn tố tụng: khởi tố, truy tố, xét xử hay được xuất hiện từ khi có quyết định tạm giữ cho đến khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu từ khi tòa án có thẩm quyền thụ lý vụ án cho đến khi phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự kết thúc. Quyền bào chữa là cơ sở làm phát sinh hoạt động bào chữa nên tương ứng khi xuất hiện quyền bào chữa trong giai đoạn nào thì hoạt động bào chữa xuất hiện cùng thời điểm ở giai đoạn đó.

*Thứ 5:* Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được tiến hành trực tiếp và thể hiện rõ nét nhất tại phiên tòa

Theo quy định của BLTTHS thì trình tự thủ tục phiên tòa hình sự sơ thẩm vụ án hình sự bao gồm: thủ tục bắt đầu phiên tòa; phần tranh luận; nghị án và tuyên án. Hoạt động bào chữa được thể hiện rõ nét nhất tại phần tranh luận của phiên tòa, tại phần tranh luận VKS – bên buộc tội và bên gỡ tội (người bào chữa và NBBT) thực hiện đối đáp, tranh luận trực tiếp với nhau, chủ tọa phiên tòa thực hiện điều khiển phiên tòa theo trình tự, thủ tục luật định. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 250 BLTTHS năm 2015 cũng quy định phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục.

### ***1.1.2. Nội dung của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự***

Cơ sở làm phát sinh hoạt động bào chữa là quyền bào chữa của người bị buộc tội. Quyền bào chữa của người bị buộc tội được thể hiện dưới hai hình thức là người buộc tội tự thực hiện quyền bào chữa cho mình và người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa thông qua người bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho mình. Hai hình thức của quyền bào chữa này có thể được thực hiện song song, tức là người bị buộc tội có thể vừa tự bào chữa cho mình và vừa nhờ người khác bào chữa cho mình hoặc chỉ thực hiện một trong hai hình thức trên. Hai hình thức của quyền bào chữa khi thực hiện song song thì có tác dụng bổ sung và hỗ trợ cho nhau, khi người bị buộc tội nhờ người khác bào chữa thì vẫn có thể tự bào chữa [39].

Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thực hiện từ giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cho đến khi phiên tòa hình sự sơ thẩm kết thúc.

- Hoạt động tự bào chữa của người bị buộc tội

Để thực hiện quyền tự bào chữa cho mình trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì BLTTHS đã quy định cụ thể cho người bị buộc tội các quyền để thực hiện việc bào chữa cho mình. Theo quy định của BLTTHS năm 2015 tại Điều 60, Điều 61 thì hoạt động bào chữa của người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm được thể hiện thông qua các quy định sau:

- Nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này;

- Tham gia phiên tòa; Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;

- Đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

- Đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa;

- Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

- Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội;

- Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa;

- Nói lời sau cùng trước khi nghị án; Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa;

- Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trên cơ sở các quyền được quy định trong BLTTHS thì người bị buộc tội còn thực hiện các hoạt động như: tự mình thu thập các tài liệu chứng cứ chứng minh; thực hiện các hoạt động để hưởng các tình tiết giảm nhẹ; thực hiện các hoạt động về việc kiến nghị đề xuất với tòa án; chuẩn bị cho phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án...

- Hoạt động nhờ người khác bào chữa

Để thực hiện hoạt động bào chữa cho người bị buộc tội thì BLTTHS cũng quy định các quyền cho người bào chữa thực hiện hoạt động bào chữa. Theo quy định tại Điều 73 BLTTHS năm 2015 thì người bào chữa có các quyền như: Gặp, hỏi người bị buộc tội; Có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; Có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; Xem biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình, quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa; Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; Đề nghị tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản; Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra; Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất theo quy định của Bộ luật này [31].

Trên cơ sở các quyền mà pháp luật tố tụng hình sự quy định, người bào chữa thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội, phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội. Ngoài ra, người bào chữa còn thực hiện được các hoạt động bào chữa theo đạo đức nghề nghiệp khác không trái quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội. Như vậy đối với hoạt động bào chữa của người bào chữa có thể được chia thành hai nhóm hoạt động, bao gồm:

Nhóm hoạt động thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật tố tụng như: gặp gỡ, trao đổi người bị buộc tội đang bị tạm giam; thực hiện đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa; đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa; hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

Nhóm hoạt động đạo đức nghề nghiệp không trái quy định pháp luật: các hoạt động như kiến nghị đề xuất, trao đổi quan điểm với tòa án; chuẩn bị các hoạt động để thực hiện việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa như xây dựng bảng kế hoạch hỏi, bài bào chữa; trao đổi với người bào chữa trước thời điểm mở phiên tòa để thống nhất quan điểm bào chữa của mình...

### ***1.1.3. Ý nghĩa của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự***

Hoạt động bào chữa trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm các nguyên tắc tố tụng được thực hiện như: Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm; Nguyên tắc suy đoán vô tội; Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Đảm bảo quyền con người và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Hoạt động bào chữa không chỉ là công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo cho quá trình tố tụng giải quyết

vụ án hình sự được nhanh chóng, khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, đảm bảo không làm oan người vô tội cũng như góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, kịp thời xử lý nhanh chóng các hành vi phạm tội. Hoạt động bào chữa còn góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, bảo vệ trật tự pháp chế xã hội chủ nghĩa đồng thời góp phần giáo dục ý thức tuân theo pháp luật, thượng tôn pháp [31].

Ngoài ra, hoạt động bào chữa còn có ý nghĩa trong việc thực hiện vai trò giám sát các hoạt động tố tụng được thực hiện đúng quy định, đúng pháp luật; giúp các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo trình tự, thủ tục luật định và giúp người tiến hành tố tụng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn pháp luật của mình.

Như vậy, hoạt động bào chữa nói chung và hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, đảm bảo quyền con người, đảm bảo dân chủ tại phiên tòa mà còn có ý nghĩa trong việc bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Được thể hiện cụ thể như sau:

- Hoạt động bào chữa giúp Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và tránh làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra còn góp phần thống nhất về bồi thường dân sự trong vụ án hình sự.

- Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giúp Hội đồng xét xử có cái nhìn khách quan, toàn diện và hiểu rõ hơn về động cơ, mục đích, nguyên nhân và hoàn cảnh phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ để từ đó cân nhắc ra bản án đúng người, đúng tội, đảm bảo hợp tình, hợp lý và đúng pháp luật. Giúp người phạm tội nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình để nhận được khoan hồng của pháp luật, có ý thức trong việc cải tạo, chấp hành pháp luật.

- Hoạt động bào chữa giúp cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khắc phục được những vi phạm tố tụng, tránh sự lạm quyền, củng cố niềm tin của nhân dân đối với cơ quan tiến hành tố tụng hướng tới xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân.

- Hoạt động bào chữa giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đúng pháp luật, ra quyết định phù hợp khi có đề nghị của người bào chữa như: đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; đề nghị chuyển tội danh sang tội nhẹ hơn; đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm làm rõ tình tiết của vụ án; đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, miễn chấp hành hình phạt ...



- Hoạt động bào chữa giúp các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết nhanh chóng, kịp thời vụ án hình sự, nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của tòa án đối với các vụ án hình sự. Góp phần vào việc giúp các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện những thiếu sót hoặc vi phạm trong giai đoạn xét xử vụ án nói riêng và trong cả quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Có thể nói rằng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, bảo vệ sự thật khách quan vụ án và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ này của hoạt động bào chữa có mối quan hệ tương quan với nhau, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội thì đồng nghĩa bảo vệ tốt sự thật khách quan vụ án và bảo vệ được pháp chế xã hội chủ nghĩa hoặc ngược lại.

## **1.2. Quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

### ***1.2.1. Quy định về hoạt động bào chữa của các chủ thể trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự***

#### ***1.2.1.1. Quy định về hoạt động bào chữa của người bị buộc tội***

Trên cơ sở quy định của pháp luật về các quyền được thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự người bị buộc tội thực hiện các hoạt động bào chữa của mình. Nhằm cụ thể hóa các quy định về quyền con người, quyền bào chữa của người bị buộc tội được quy định trong Hiến pháp năm 2013 thì BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể về các quyền mà người bị buộc tội được thực hiện để bào chữa, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Quyền bào chữa của người bị buộc tội được thể hiện hai hình thức là quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa cho mình. Theo quy định tại Điều 4 BLTTHS năm 2015 “*Người bị buộc tội* gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo”. Trong tố tụng hình sự thì người bị buộc tội có các hoạt động bào chữa trên cơ sở các quyền được BLTTHS năm 2015 quy định bao gồm các quyền được quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì người buộc tội được gọi là bị can, bị cáo. Hoạt động bào chữa của người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thực hiện bằng các quy định về quyền của họ trong giai đoạn này.

Người bị buộc tội tham gia tố tụng với tư cách là bị can từ khi tòa án thụ lý vụ án đến khi Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử tức là trong Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Quyền và nghĩa vụ của bị can được quy định tại Điều 60 BLTTHS năm 2015 và chủ yếu là trong giai đoạn điều

tra, truy tố. Pháp luật TTHS nước ta không có quy định riêng về quyền và nghĩa vụ của bị can trong chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, hoạt động bào chữa của bị can trong giai đoạn này được thực hiện thông qua các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị can trong tố tụng hình sự được quy định tại Điều 60 BLTTHS năm 2015. Trên cơ sở các quy định về quyền và nghĩa vụ đó thì bị can thực hiện các hoạt động như: thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án; Đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu, hồ sơ vụ án; Đưa ra các tài liệu, chứng cứ có liên quan; Gặp, trao đổi với người bào chữa...

Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 BLTTHS năm 2015 thì “ bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử”. BLTTHS năm 2015 đã mở rộng thêm về chủ thể bị cáo là pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Pháp nhân ở đây được hiểu là pháp nhân thương mại. Quyền và nghĩa vụ của bị cáo là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

BLTTHS năm 2015 cũng không có quy định cụ thể về các hoạt động bào chữa của bị cáo. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì trên cơ sở các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 61 BLTTHS năm 2015 thì bị cáo được thực hiện các hoạt động bào chữa mà pháp luật không cấm. Theo đó, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì bị cáo thực hiện các hoạt động bào chữa như: trình bày lời khai, trình bày ý kiến của mình; Hoạt động đề nghị với Tòa án ... và các hoạt động khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Trên cơ sở kế thừa và phát huy các quy định của BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm đầy đủ và chi tiết hơn một số quy định về quyền, nghĩa vụ của bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hoạt động bào chữa của mình. Cụ thể các quy định được bổ sung như sau:

*Một là: bổ sung về quyền được “Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá” (tại điểm e khoản 2 Điều 61).*

Việc bổ sung quyền này của bị cáo có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định khách quan đối với các tài liệu, chứng cứ đồ vật trong vụ án có liên quan, nhằm mục đích để đảm bảo việc bào chữa của mình cũng như cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, đánh giá toàn diện hơn các chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó. Đối với các chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan trong vụ án khi có sự nghi vấn hoặc mục đích thực hiện hoạt động gỡ tội, bào chữa cho mình thì bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng kiểm tra và đánh giá tài liệu đó.

*Hai là: bổ sung về quyền được “Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội (tại điểm h khoản 2 Điều 61).*

Việc bổ sung quyền này cho bị cáo tại phiên tòa xét xử sơ thẩm có ý nghĩa đối với việc thực hiện quyền bào chữa cho mình. Khi bào chữa cho mình thì bị cáo trình bày về những lời khai trước đây cũng như ý kiến của mình về những lời khai đã khai trước tại cơ quan điều tra hoặc trình bày nội dung khác có liên quan. Đây được coi là quyền của bị cáo và pháp luật hình sự không buộc bị cáo đưa ra những lời khai chống lại chính mình hoặc nhận mình là có tội. Trong trường hợp nếu nhận tội thành khẩn thì bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.

*Ba là: bổ sung về quyền được “Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa”. (tại điểm i khoản 2 Điều 61).*

Việc bổ sung quyền này nhằm đảm bảo làm sáng tỏ sự thật của vụ án. Trong những trường hợp chưa rõ, hay không đúng sự thật mà bị cáo biết và bị cáo muốn làm rõ thì bị cáo có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc đề nghị cho được hỏi người tham gia tố tụng. Hay nói cách khác tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bị cáo có quyền được hỏi và tranh luận tại phiên tòa để đảm bảo thực hiện việc gỡ tội, quyền bào chữa cho mình. Từ đó, giúp làm rõ sự thật khách quan của vụ án cũng như giúp Hội đồng xét xử có cách nhìn toàn diện, đầy đủ nội dung vụ án.

*Bốn là: bổ sung về quyền được “Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa”. (tại điểm l khoản 2 Điều 61).*

Việc bổ sung quyền này sẽ đảm bảo cho việc diễn biến phiên tòa được ghi chép đầy, đủ, tránh thiếu sót những diễn biến, tình tiết có lợi cho bị cáo để phục vụ cho hoạt động bào chữa của mình cũng như để đảm bảo ghi nhận đầy đủ các tình tiết của vụ án làm căn cứ cho HĐXX nghị án và đưa ra phán quyết khách quan.

*Năm là: bổ sung về quyền được “Các quyền khác theo quy định của pháp luật”. (tại điểm o khoản 2 Điều 61).*

Bổ sung quyền này cho bị cáo sẽ góp phần thực hiện hoạt động bào chữa của mình một cách toàn diện và đầy đủ hơn.

#### *1.2.1.2. Quy định về hoạt động bào chữa của luật sư bào chữa*

Theo quy định của BLTTHS năm 2015: “Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào

chữa. Người bào chữa có thể là: Luật sư; Người đại diện của người bị buộc tội; Bào chữa viên nhân dân; Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý” [31, Điều 72].

Luật sư là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khoẻ bảo đảm hành nghề luật sư thì có thể trở thành luật sư và phải có Chứng chỉ hành nghề luật sư và gia nhập một Đoàn luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng) [34, Điều 2, 10, 11].

Theo tác giả Phạm Hồng Hải: Khi tham gia bào chữa trong giai đoạn XXST VAHS thì luật sư không phải là người tham gia tố tụng độc lập, bởi vì mối quan hệ giữa luật sư và bị cáo được thiết lập khi bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp, người thân của họ mời luật sư thực hiện bào chữa cho bị cáo và được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận, hoặc luật sư được cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định và được họ đồng ý. Có thể khẳng định rằng ý chí của bị cáo luôn là yếu tố quyết định có hay không có sự tham gia của luật sư trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để bào chữa. Mặt khác, xuất phát từ ý chí chủ quan của mình, bị cáo có thể từ chối luật sư bào chữa ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng nếu họ nhận thấy sự tham gia của luật sư là không còn cần thiết, không thể giúp đỡ gì hoặc làm xấu hơn tình trạng của họ [16, tr. 12-15].

Khi được tham gia tố tụng vụ án hình sự với vai trò là luật sư bào chữa thì pháp luật tố tụng hình sự cũng quy định các quyền cho người bào chữa nói chung và luật sư nói riêng. Trên cơ sở các quyền được pháp luật quy định thì luật sư thực hiện hoạt động bào chữa của mình nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp tốt nhất cho khách hàng (bị cáo). Cụ thể các quyền được quy định tại Điều 73 BLTTHS năm 2015. Trên cơ sở các quyền đó luật sư bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có những hoạt động như: nghiên cứu hồ sơ vụ án; gặp, trao đổi với bị cáo; đề xuất, kiến nghị với tòa án; thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến hoạt động bào chữa ... và một số hoạt động khác.

Ngoài các quyền được quy định cụ thể tại Điều 73 BLTTHS năm 2015 thì hoạt động bào chữa của luật sư được quy định rải rác ở các điều luật khác như: luật sư nhận bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra (Điều 232 BLTTHS); được Viện kiểm sát thông báo về việc ra quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ hoặc tạm đình chỉ

vụ án của Viện kiểm sát (Điều 240 BLTTHS); Luật sư có thể gửi trước bản bào chữa cho Toà án (Điều 291 BLTTHS)...ngoài ra luật sư còn thực hiện các hoạt động bào chữa thông qua các quy định của pháp luật luật sư và pháp luật khác có liên quan.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, trên cơ sở được nhận bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát cùng với việc nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án luật sư nhận định quan điểm xử lý vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng từ đó xác định quan điểm bào chữa của mình đối với vụ án và đưa ra định hướng bào chữa cho bị cáo. Trong quá trình nghiên cứu vụ án, chuẩn bị bài bào chữa của mình thì luật sư có thể có các hoạt động như đánh giá các chứng cứ, tài liệu; so sánh, đối chiếu tổng hợp các chứng cứ, tài liệu có lợi cho bị cáo; đưa ra các lập luận để bác bỏ các chứng cứ bất lợi, không có căn cứ và không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Trên cơ sở các chứng cứ mà luật sư đánh giá, luật sư đưa ra những kiến nghị, yêu cầu hợp pháp để đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa, trên cơ sở các quyền mà BLTTHS quy định luật sư thực hiện các hoạt động như: lập kế hoạch hỏi và hỏi đối với hỏi bị cáo (Điều 309 BLTTHS); hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ (Điều 310 BLTTHS); hỏi người làm chứng (Điều 311 BLTTHS); xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được, trình bày nhận xét của mình về vật chứng (Điều 312 BLTTHS); xem xét nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án, trình bày nhận xét của mình về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án (Điều 314 BLTTHS); nhận xét về báo cáo, tài liệu đó và hỏi thêm người đại diện của cơ quan, tổ chức, người khác tham gia phiên tòa về những vấn đề liên quan đến báo cáo, tài liệu (Điều 315 BLTTHS); Đề nghị HĐXX yêu cầu người giám định, người định giá tài sản trình bày kết luận của mình về vấn đề được giám định, định giá tài sản; nhận xét về kết luận giám định, định giá tài sản, được hỏi những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn trong kết luận giám định, định giá tài sản hoặc có mâu thuẫn với những tình tiết khác của vụ án (Điều 316 BLTTHS); trình bày lời bào chữa cho bị cáo (Điều 320 BLTTHS); Tranh luận với Kiểm sát viên (Điều 322 BLTTHS);

Tùy theo diễn biến tại phiên tòa mà luật sư có thể thực hiện các hoạt động khác nhau mà pháp luật tố tụng hình sự cho phép để thực hiện hoạt động bào chữa của mình. Luật sư phải luôn chú ý, lắng nghe và theo dõi sát sao diễn biến phiên tòa để kịp thời bổ sung vào bản luận cứ của mình, cũng như đưa ra được những căn cứ, lập luận sắc bén bảo vệ quan điểm bào chữa của mình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tối đa cho bị cáo.

### **1.2.2. Quy định về trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong bảo đảm thực hiện hoạt động bào chữa**

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 Quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố (Thông tư 46/2019/TT- BCA).

Theo đó một số hoạt động bào chữa của người bào chữa được bảo đảm thực hiện như sau:

*Thứ nhất:* Hoạt động đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; (Được quy định tại Điều 13, 14 của Thông tư 46/2019/TT- BCA)

- Khi người bào chữa có văn bản đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Cơ quan đang thụ lý vụ án tiếp nhận văn bản để giải quyết. Nếu có căn cứ thuộc một trong những trường hợp quy định tại Điều 49 hoặc khoản 1 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 [5].

- Khi người bào chữa có văn bản đề nghị thay đổi người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, Cơ quan đang thụ lý vụ án tiếp nhận văn bản để giải quyết. Nếu có căn cứ thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 68, khoản 5 Điều 69, khoản 4 Điều 70 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Cơ quan đang thụ lý vụ án quyết định thay đổi người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật và thông báo cho người bào chữa biết. Trường hợp đề nghị không có căn cứ pháp luật thì thông báo cho người bào chữa bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối [5].

- Khi người bào chữa có văn bản đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, Cơ quan đang thụ lý vụ án tiếp nhận văn bản để giải quyết. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận, nếu có căn cứ

thuộc một trong những trường hợp quy định tại Điều 125, Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Cơ quan đang thụ lý vụ án ra quyết định thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo thẩm quyền hoặc tiến hành các thủ tục cần thiết gửi Viện kiểm sát quyết định đối với các biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn. Nếu đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế không có căn cứ pháp luật thì Cơ quan đang thụ lý vụ án từ chối việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và thông báo cho người bào chữa bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối [ 5].

*Thứ hai:* Quy định về hoạt động thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; (Được quy định tại Điều 15 của Thông tư 46/2019/TT- BCA)

- Người bào chữa thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật và giao cho Cơ quan đang thụ lý vụ án thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải lập biên bản giao nhận, đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp phát hiện người bào chữa thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc tiết lộ bí mật điều tra thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Cơ quan đang thụ lý vụ án phải nhắc nhở, nếu vi phạm nghiêm trọng thì có biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật [5]

- Trường hợp người bào chữa đưa ra yêu cầu, nếu thấy yêu cầu có liên quan đến việc bào chữa hoặc liên quan đến việc giải quyết vụ án thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra lập biên bản ghi nhận yêu cầu của người bào chữa.

*Thứ ba:* Quy định về việc đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra; (Được quy định tại Điều 16 của Thông tư 46/2019/TT- BCA)

- Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra bản kết luận điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho bị can, người bào chữa.

- Sau khi kết thúc điều tra, nếu người bào chữa đề nghị được đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án có liên quan đến việc bào chữa, nếu hồ sơ vụ án đang thuộc quyền quản lý của Cơ quan điều tra thì Cơ quan điều tra phải tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa thực hiện yêu cầu này. Điều tra viên bố trí cho người bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu tại phòng làm việc thuộc trụ sở Cơ quan điều tra. Trong quá trình người bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu, Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải giám sát chặt chẽ. Việc sao chụp tài liệu do người bào

chữa thực hiện. Sau khi đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu, người bào chữa phải bàn giao nguyên trạng hồ sơ vụ án cho cơ quan đã cung cấp hồ sơ. Nếu để mất, thất lạc, hư hỏng tài liệu, hồ sơ vụ án thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc đọc, ghi chép hoặc sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án có liên quan đến việc bào chữa của người bào chữa phải được lập biên bản ghi nhận, tài liệu giao cho người bào chữa phải có bản thống kê các tài liệu kèm theo.

### **1.2.3. Quy định về những nguyên tắc bảo đảm thực hiện hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

#### **1.2.3.1. Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội**

Theo quy định tại Điều 16 BLTTHS năm 2015: “Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này”.

Việc quy định nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội có quan hệ chặt chẽ với việc quy định và thực hiện các quyền bào chữa của họ. Pháp luật tố tụng hình sự đã quy định người bị buộc tội có quyền bào chữa nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ một cách có hiệu quả. Đồng thời pháp luật tố tụng hình sự cũng có các quy định nhằm đảm bảo người bị buộc tội được tự do thực hiện những gì pháp luật cho phép để bảo vệ quyền lợi ích của mình cũng như làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Nếu thiếu đi sự đảm bảo này của pháp luật thì nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội. Tức là, để đảm bảo quyền bào chữa của mình thì pháp luật tố tụng quy định cho người bị buộc tội được thực hiện các hoạt động liên quan đến việc bào chữa trên cơ sở các quyền được thực hiện.

Bên cạnh quy định nguyên tắc “bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội” là để nhấn mạnh đến việc thực hiện các quyền được pháp luật dành cho người bị buộc tội và người bào chữa thì việc quy định nguyên tắc này cũng đặt trách nhiệm lên các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội. Quyền bào chữa của người bị buộc tội được ghi nhận, phát triển trên cơ sở những quy định của Hiến pháp, bao gồm: quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa.

#### **1.2.3.2. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm**

Nguyên tắc này được quy định tại Điều 26 BLTTHS năm 2015.



*“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.*

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.*

*Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.*

*Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”.*

Nguyên tắc này được xem là căn cứ pháp lý quan trọng để đảm bảo quyền bào chữa nói riêng và quyền công dân, quyền con người nói chung theo Hiến pháp. Theo nguyên tắc này có thể thấy rằng mối quan hệ và vị trí giữa người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là bình đẳng trong các hoạt động tố tụng vụ án hình sự ( đưa ra các chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án; hoạt động tranh tụng tại phiên tòa...). Đây được coi là tiền đề quan trọng để NBBT và NBC thực hiện hoạt động tranh tụng bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia tố tụng. Trên cơ sở các hoạt động tố tụng của NBBT và NBC được thực hiện tại phiên tòa với tính chất trong mối quan hệ bình đẳng thì nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Việc bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ thì hoạt động tranh tụng mới đảm bảo chất lượng, hiệu quả và thực thi.

#### *1.2.3.3. Nguyên tắc suy đoán vô tội*

Nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại Điều 13 BLTTHS năm 2015

*“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.*

*Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.*

BLTTHS năm 2015 hoàn thiện quy định này với tên gọi mới “Nguyên tắc suy đoán vô tội” là bước tiến lớn trong tư duy lập pháp và có ảnh hưởng, tác động đến quá trình thực thi pháp luật, đặc biệt là hoạt động xét xử của Tòa án. Việc quy định nguyên tắc này có ý nghĩa làm cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tạo mọi điều kiện, vận dụng mọi phương pháp, cách thức để cho NBBT và NBC thực hiện các hoạt động tố tụng.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự Thẩm phán, Hội thẩm phải luôn coi người bị buộc tội là người không có tội trong quá trình tố tụng cho đến khi có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Mục đích của phiên tòa là làm rõ sự thật khách quan của vụ án hình sự và cho kết quan NBBT có phạm tội hay không phạm tội, chứ không phải cố gắng chứng minh sự có tội của người bị buộc tội.

Nguyên tắc “suy đoán vô tội” khẳng định người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

Như vậy, NBBT và NBC thực hiện hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử là cách thể hiện sự xác định trong nhận thức của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xác định NBBT vẫn là người vô tội để thực hiện hoạt động xét xử một cách khách quan, toàn diện và bình đẳng giữa các bên tham gia tố tụng. Hay nói cách khác thực hiện các hoạt động bào chữa của NBBT và NBC trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sẽ đảm bảo được nguyên tắc “suy đoán vô tội” trong tố tụng hình sự.

#### *1.2.3.4. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án*

*“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”.*

Nguyên tắc này đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm trong việc chứng minh tội phạm và chỉ được sử dụng các biện pháp hợp pháp

do BLTTHS quy định để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Về bản chất, ai buộc tội thì người đó phải chứng minh. Trách nhiệm chứng minh tội phạm là trách nhiệm của những chủ thể buộc tội (Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát) mà không phải là của người bị buộc tội.

NBBT có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Là người bị truy cứu trách nhiệm hình sự, NBBT có quyền đưa ra những chứng cứ, chứng minh mình sự vô tội hoặc làm giảm trách nhiệm hình sự cho mình. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa trên cơ sở những chứng cứ đã thu thập được để xem xét, xác định sự thật vụ án một cách khách quan và toàn diện.

Để có đủ cơ sở giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội. Để có được đầy đủ cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội thì hoạt động bào chữa của NBBT và NBC trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự nói riêng phải được đảm bảo thực hiện. Hay hoạt động bào chữa của NBBT và NBC trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có ý nghĩa trong việc đảm bảo nguyên tắc xác định sự thật của vụ án.

#### ***1.2.4. Đánh giá quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự***

BLTTHS năm 2003 trong quá trình áp dụng trong thực tiễn đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế về quyền bào chữa nhất là quyền bào chữa của Luật sư bào chữa; hoạt động của Luật sư bị cản trở xảy ra nhiều như Cơ quan tiến hành tố tụng không cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho Luật sư; không thông báo cho Luật sư thời gian, địa điểm hỏi cung bị can; không cho luật sư có mặt trong một số hoạt động điều tra, lấy lời khai; xúi giục bị can từ chối luật sư bào chữa; không thừa nhận những tài liệu, chứng cứ, đồ vật mà Luật sư giao nộp; không cho gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam ... Để đảm bảo quyền con người, quyền công dân liên quan đến quyền của NBBT tránh trường hợp oan, sai trong tố tụng hình sự ... Hiến pháp năm 2013 đã đặt ra yêu cầu phải tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân về chính trị xã hội, kinh tế, văn hóa. Điều này đã đòi hỏi sự cải cách mạnh mẽ của nền tố tụng hình sự theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện.

Từ đó, nhằm đảm bảo chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp. Vì vậy, đặt ra sự cấp bách phải có BLTTHS mới thay thế BLTTHS 2003. Quốc hội đã ban hành BLTTHS năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2016 đã kế thừa, bổ sung chi tiết một số điểm nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc của BLTTHS năm 2003. Cụ thể những điểm được bổ sung về quyền bào chữa như sau:

*Thứ nhất:* Bổ sung nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” tại Điều 26 BLTTHS năm 2015

Lần đầu tiên nguyên tắc tranh tụng được đưa vào tố tụng hình sự và được ghi nhận trong BLTTHS năm 2015. Đây được coi như là sự thừa nhận rằng, tố tụng hình sự Việt Nam đang hướng đến nền tố tụng công bằng giữa bên buộc tội và bên bị buộc tội.

*“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án”.*

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì sự bình đẳng ở nguyên tắc này trong tố tụng hình sự của bên buộc tội và bên bị buộc tội được thể hiện: Các bên đều có quyền đưa ra chứng cứ, đánh giá giá trị của chứng cứ về tính hợp pháp, tính liên quan của chứng cứ ngay tại phiên tòa xét xử. Mọi chứng cứ được các bên buộc tội và bên bị buộc tội hay mọi chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác có ý nghĩa liên quan trong vụ án được các bên bình đẳng trình bày, tranh luận tại phiên tòa. Tại phiên tòa được HĐXX xem xét khách quan đối với các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội để đánh giá tính chất của vụ án. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải đảm bảo có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này (kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, điều tra viên và những người khác) trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do BLTTHS quy định.

Trong quá trình xét xử, khi thấy cần thiết thì HĐXX có thể triệu tập ĐTV đã thụ lý, giải quyết vụ án và những người khác có liên quan đến phiên tòa để trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án. Đây là điểm mới mà BLTTHS năm 2015 đã bổ sung nhằm đảm bảo cho các tình tiết của vụ án được sáng tỏ.

Đề hoạt động tranh tụng của các bên được đảm bảo tại phiên tòa xét xử thì Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

*Thứ hai:* Quy định cụ thể nguyên tắc “ suy đoán vô tội” tại Điều 13 BLTTHS năm 2015.

Lần đầu tiên nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận một cách chính thức trong BLTTHS năm 2015. Ở BLTTHS năm 2003 và các bộ luật tố tụng hình sự trước đây đã thể hiện một phần ở một số điều luật của nguyên tắc này chứ chưa có quy định cụ thể thành một điều luật.

Ví dụ, tại Điều 9 BLTTHS năm 2003 quy định: *“Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Quy định này là chưa đầy đủ về việc suy đoán vô tội, mà quy định này còn dễ dẫn đến việc suy luận và hiểu sai theo hướng, người bị buộc tội phải chứng minh là mình vô tội, nếu không chứng minh được sự vô tội của mình có nghĩa là có tội.

Việc quy định nguyên tắc suy đoán vô tội được xem là điểm mới trong TTHS năm 2015 về việc đảm bảo cho hoạt động bào chữa trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Hơn nữa cũng nhằm khẳng định quyền con người, quyền công dân được đảm bảo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Nội dung của nguyên tắc này cũng thể hiện rằng, khi chưa có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì NBBT được coi là không có tội và không buộc phải chứng minh là mình có tội hay không có tội, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền. Việc quy định này cũng đồng nghĩa với việc người bị buộc tội có quyền: *“Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”* trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Bên buộc tội và bên bị buộc tội có quyền bình đẳng trong hoạt động chứng minh.

Việc quy định nguyên tắc suy đoán vô tội trong BLTTHS năm 2015 còn được coi là sự tiến bộ của tố tụng hình sự Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế khi nhiều nước trên thế giới thừa nhận nguyên tắc này là nguyên tắc của nền văn minh pháp lý hiện đại trong bảo vệ quyền con người.

*Thứ ba:* BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể về hoạt động tố tụng của người bào chữa và xóa bỏ được những vướng mắc khi thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2003.

BLTTHS năm 2015 đã dành một chương riêng (Chương V) để quy định về bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Đây được xem là nội dung tiên bộ phản ánh nên tư pháp Việt Nam thực hiện chân lý “*ở đâu có sự buộc tội thì ở đó có sự gỡ tội*”. Cũng là lần đầu tiên pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định và đưa ra khái niệm về “Người bào chữa” tại Điều 72 BLTTHS năm 2015: “Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa” và quy định rõ người bào chữa gồm: Luật sư; Người đại diện của người bị buộc tội; Bào chữa viên nhân dân; Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. BLTTHS năm 2015 cũng đã quy định mở rộng hơn đối tượng được chỉ định bào chữa so với BLTTHS năm 2003 đó là đối tượng bào chữa theo chỉ định không chỉ là bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình, mà còn là các bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình (Điều 76 BLTTHS).

BLTTHS năm 2003 quy định về việc để được tham gia bào chữa trong vụ án hình sự thì Luật sư bào chữa phải được cấp Giấy chứng nhận người bào chữa ở mỗi giai đoạn tố tụng hình sự, ở giai đoạn nào thì cơ quan ở giai đoạn đó tiến hành việc cấp Giấy chứng nhận người bào chữa cho luật sư ở giai đoạn đó. Quy định này đã gây nên những trở ngại cho người bào chữa tham gia tố tụng vụ án hình sự, nhất là trong trường hợp bị can đang bị tạm giam thì Cơ quan điều tra thường tạo nên những cản trở cho hoạt động bào chữa. Để khắc phục vướng mắc này thì BLTTHS năm 2015 đã bỏ quy định cấp Giấy chứng nhận người bào chữa mà thay vào đó là thủ tục đăng ký bào chữa quy định tại Điều 78 BLTTHS năm 2015. Theo đó, trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kiểm tra giấy tờ và thấy đủ điều kiện luật định thì vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa, cơ sở giam giữ và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án. Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ trường hợp người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa; hoặc người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa [31, Điều 78].

*Thứ tư:* BLTTHS năm 2015 quy định rộng hơn quyền của người bào chữa so với BLTTHS năm 2003.

Quyền bào chữa của người bào chữa được quy định tại Điều 73 BLTTHS năm 2015 được mở rộng thêm các quyền so với BLTTHS năm 2003 như: “Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác; Có quyền thu thập chứng cứ; kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; Có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác; Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra ....

Việc mở rộng thêm các quyền của người bào chữa tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NBC thực hiện hoạt động bào chữa của mình có hiệu quả hơn.

*Thứ năm:* BLTTHS năm 2015 bổ sung những quy định mới về xét xử vụ án hình sự có liên quan đến luật sư bào chữa.

- Sự có mặt của người bào chữa (Điều 291 BLTTHS năm 2015). Theo đó “Luật sư bào chữa phải có mặt tại phiên tòa để bào chữa cho người mà mình đã nhận bào chữa. Người bào chữa có thể gửi trước bản bào chữa cho Tòa án. Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa...”

- Bổ sung, chi tiết quyền tranh luận tại phiên tòa (Điều 322): “...Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của người bị buộc tội (bị cáo), người bào chữa...”.

BLTTHS năm 2003 không quy định bắt buộc KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của NBBT và NBC. Việc bổ sung quy định này nhằm tạo điều kiện cho hoạt động tranh luận tại phiên tòa được thực hiện bình đẳng và đầy đủ. Hơn nữa, tại phiên tòa thì Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, Luật sư bào chữa, NBBT tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Và Chủ tọa phiên tòa yêu cầu KSV phải đáp lại những ý kiến của Luật sư bào chữa mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận. HĐXX phải

lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của KSV, NBBT, luật sư bào chữa tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.

*Thứ sáu:* BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về việc bị can có quyền đọc, ghi chép tài liệu được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60.

Theo đó, bị can có quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu.

Đây là một điểm mới được BLTTHS năm 2015 quy định bổ sung nhằm đảm bảo quyền cơ bản của bị can, bị cáo cũng như tạo điều kiện để bị can nghiên cứu các tài liệu, hồ sơ vụ án được chi tiết hơn đảm bảo cho việc thực hiện các hoạt động bào chữa của mình tại phiên tòa xét xử. Hơn nữa, việc bổ sung quy định này cũng góp phần cho việc đánh giá tính khách quan của các tài liệu, chứng cứ trong vụ án trước khi vụ án được đưa ra xét xử.

*Thứ bảy:* BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định một số quyền của người bị buộc tội

Các quyền được bổ sung như: NBBT được nhận các quyết định tố tụng liên quan đến mình; Đưa ra chứng cứ; Có quyền tự do trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; Được nhận bản bào chữa của người bào chữa; Đề nghị thay đổi người dịch thuật; Bị cáo có quyền trực tiếp hỏi những người tham gia tố tụng nếu được Chủ tọa phiên tòa đồng ý.

Việc bổ sung thêm các quyền cho NBBT đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tự bào chữa của NBBT, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của họ cũng như đảm bảo quyền con người, đảm bảo xác định đúng sự thật khách quan của vụ án.

Bên cạnh những quy định mà BLTTHS năm 2015 bổ sung góp phần hạn chế, tháo gỡ các vướng mắc trong BLTTHS năm 2003 thì trong quá trình thực thi BLTTHS năm 2015 cũng còn bộc lộ một số hạn chế, gây khó khăn trong hoạt động bào chữa. Cụ thể như: Việc quy định các quyền vào đảm bảo thực hiện các quyền của NBBT và NBC; Quy định về thực tục gặp gỡ NBBT của NBC; Quy định về việc thu thập chứng cứ của luật sư bào chữa ... Thực tiễn cho thấy, BLTTHS năm 2015 đã mở ra và ghi nhận việc bảo đảm quyền bào chữa của NBBT nhưng trên thực tế việc áp dụng các quy định nay còn gặp nhiều khó khăn. Trong trường hợp NBBT đang bị tạm



giảm thể hiện mong muốn của mình được mời luật sư, đề nghị luật sư bào chữa cho mình thì việc gặp này rất khó khăn, thậm chí trong trường hợp đã mời luật sư bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng khi luật sư thực hiện các thủ tục để tham gia bào chữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng gây không ít khó khăn và không tạo điều kiện, có trường hợp luật sư còn bị cơ quan tiến hành tố tụng từ chối thủ tục đăng ký bào chữa. Vì vậy, trong trường hợp này trên thực tiễn cần có giải pháp để đảm bảo cho NBBT thực hiện các quyền của mình.

Bên cạnh đó, việc triển khai thi hành BLTTHS năm 2015 còn chưa đồng bộ dẫn đến một số quy định của Luật chưa được hướng dẫn cụ thể gây khó khăn cho hoạt động bào chữa của NBBT và của luật sư tại phiên tòa. Ví dụ, khoản 2, 4 Điều 88 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định luật sư có quyền thu thập chứng cứ, tài liệu hợp pháp những vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể quy trình thu thập thế nào là hợp pháp.

## Kết luận chương 1

Ở chương 1 tác giả đã tập trung phân tích những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn XXST vụ án hình sự, bao gồm những nội dung được phân tích cụ thể như sau:

*Thứ nhất:* Những vấn đề lý luận về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; như: khái niệm bào chữa, hoạt động bào chữa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, khái niệm vụ án hình sự và đặc điểm của hoạt động bào chữa trong giai đoạn XXST vụ án hình sự;

*Thứ hai:* Quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự: Quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa của người bị buộc tội và của người bào chữa (luật sư bào chữa), quy định về trách nhiệm bảo đảm thực hiện hoạt động bào chữa.

*Thứ ba:* Một số nguyên tắc liên quan đến hoạt động bào chữa: nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo; Nguyên tắc suy đoán vô tội; Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án.

*Thứ tư:* Đánh giá các quy định pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là tất cả những việc mà pháp luật tố tụng hình sự cho phép người bị buộc tội hoặc người bào chữa được phép thực hiện nhằm mục đích hướng đến việc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội, giảm nhẹ tội hoặc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị buộc tội được bắt đầu kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và kết thúc khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc. BLTTHS năm 2015 đã kế thừa và bổ sung những quy định mới so với BLTTHS năm 2003 đã tạo điều kiện thuận lợi cho NBBT và NBC thực hiện quyền bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và tạo ra những chuyển biến mới trong tố tụng hình sự Việt Nam về đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2015 vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập.

Tuy chưa thật sự được toàn diện nhưng những vấn đề lý luận đã được phân tích ở trên là cơ sở vững chắc cho việc nghiên cứu ở Chương 2, và ở Chương 3.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

#### 2.1. Các yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động bảo chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng

##### 2.1.1. Số lượng và chất lượng của luật sư

Hải Phòng được xem là một thành phố cảng quan trọng của nước ta, là một trong những trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn nhất phía bắc Việt Nam, đồng thời đây cũng là trung tâm kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại của vùng duyên hải bắc bộ. Đây là thành phố lớn thứ ba Việt Nam, lớn thứ hai miền bắc sau Hà Nội và là một trong năm thành phố trực thuộc trung ương tại Việt Nam [3]. Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thì nhận thức và nhu cầu về dịch vụ pháp lý của người dân tăng cao, đi đôi với nhu cầu tăng về dịch vụ pháp lý thì số lượng luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có nhiều chuyển biến và dần càng được chú trọng hơn.

Đảng và Nhà nước ta cũng đã thể hiện quan điểm đề cao vai trò hoạt động của luật sư trong việc đảm bảo quyền con người, đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua hoạt động bảo chữa trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Số lượng và chất lượng của luật sư là một trong những yếu tố được xem là ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động bảo chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói chung cũng như trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng.

Năm 2012 Quốc hội đã thông qua Luật luật sư sửa đổi bổ sung luật năm 2006, và Nghị định số 123/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 14/10/2013 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật luật sư đã tạo điều kiện và cơ sở pháp lý góp phần cho việc phát triển đội ngũ luật sư cả nước nói chung và đội ngũ luật sư thành phố Hải Phòng nói riêng đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển cao của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Cùng với đó, Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã ban hành bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư; Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng đã ban hành nội quy, quy chế của đoàn đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư trong nước nói chung và đội ngũ luật sư thành phố Hải Phòng nói riêng. Bên cạnh đó, Liên đoàn luật sư Việt Nam và ban chủ nhiệm đoàn luật sư thành phố Hải Phòng cũng chú trọng đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho luật sư cũng đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động

hành nghề của đội ngũ luật sư. Vì vậy, trong những năm qua, đội ngũ luật sư, tổ chức hành nghề luật sư của đoàn thành phố Hải Phòng ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, luật sư có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và có trình độ chuyên môn đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Tính đến tháng 10 năm 2019 thì thành phố Hải Phòng có 198 luật sư chiếm 1,438% số lượng luật sư cả nước, tăng 76 luật sư so với năm 2015 và có 59 tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có 30 Công ty luật và 29 Văn phòng [12].

**Bảng 2.1: Bảng số liệu về số lượng luật sư trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm 2015 đến năm 2019**

Năm	Số lượng luật sư cả nước	Số lượng luật sư TP Hải Phòng	Tỷ lệ so với số lượng cả nước (%)	Số lượng tổ chức hành nghề tại TP Hải Phòng
2015	11.285	122	1,081	47
2016	11.583	139	1,200	50
2017	11.730	157	1,338	54
2018	12.250	179	1,461	57
2019	13.770	198	1,438	59

(Nguồn: Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng)

Theo bảng số liệu trên cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 số lượng luật sư cả nước nói chung và số lượng luật sư thành phố Hải Phòng nói riêng đều tăng nhanh. Năm 2019, cả nước có 13.770 luật sư và thành phố Hải Phòng có 198 luật sư chiếm 1,438% số lượng luật sư cả nước. Qua đó chúng ta thấy số lượng luật sư của thành phố Hải Phòng đang còn chiếm tỷ lệ số lượng nhỏ so với cả nước. Tuy số lượng luật sư của thành phố Hải Phòng đang chiếm số lượng rất ít so với cả nước nhưng nhìn chung xu hướng số lượng luật sư tăng theo từng năm, từ năm 2015 đến năm 2019 không có năm nào Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng không kết nạp thêm luật sư mới. Qua đó cho thấy nhu cầu và nhận thức về vai trò và hoạt động của luật sư ngày càng cao. Trong năm 2019 thành phố có 198 luật sư nhưng chiếm khoảng gần 60% là luật sư trẻ (dưới 40 tuổi), đã góp phần trẻ hóa đội ngũ luật sư của Đoàn Luật sư Hải Phòng. Sự phát triển của luật sư cũng như tổ chức hành nghề luật sư chủ yếu tập trung ở trung tâm thành phố Hải Phòng, nói tập trung đông dân cư hơn và nhận thức của dân cư cao hơn. Tuy số lượng luật sư tăng theo các năm nhưng nhìn chung trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2019 thì số lượng luật sư ở thành phố Hải Phòng

còn tăng rất chậm, trong thời gian 5 năm thì Đoàn kết nạp thêm được 76 luật sư, trung bình mỗi năm Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng kết nạp thêm 15 luật sư. Tuy nhiên, so với yêu cầu cải cách tư pháp thì vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu luật sư trên tổng số người dân của thành phố Hải Phòng với tỷ lệ luật sư so với tổng số dân cả thành phố là 1/11.250 người và chiến lược của thành phố Hải Phòng là đến năm 2020 có 400 luật sư. Mặt khác, cùng với tăng số lượng luật sư thì tổ chức hành nghề luật sư của thành phố Hải Phòng cũng tăng theo, tuy nhiên, số lượng tổ chức hành nghề tăng nhưng rất chậm và còn chiếm số lượng ít so với cả nước. Đến năm 2019 thì thành phố Hải Phòng chỉ có 59 tổ chức hành nghề luật sư, trong đó có 30 Công ty luật và 29 Văn phòng, trong thời gian 5 năm từ năm 2015 - 2019 tăng 12 tổ chức hành nghề luật sư.

Cùng với sự phát triển về số lượng luật sư thì chất lượng của đội ngũ luật sư ở thành phố Hải Phòng cũng đã và đang được ngày càng nâng lên. Thi hành Luật luật sư thì đội ngũ luật sư ở thành phố Hải Phòng có trình độ cử nhân luật trở lên là 100% năm 2019. Số luật sư đã qua đào tạo nghề luật sư chiếm hơn 70% trên tổng số lượng luật sư, số tỷ lệ còn lại đã từng là Thẩm phán, Điều tra viên, KSV, Thẩm tra viên. Năm 2015 có 122 luật sư thì trong đó có 6 luật sư là thạc sỹ luật học và đến năm 2019 trong tổng số 198 luật sư thì có 12 luật sư có trình độ thạc sỹ luật học, và có 3 luật sư đang trong thời gian đào tạo thạc sỹ luật học. Qua khảo sát chất lượng đội ngũ luật sư thì Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng có một số luật sư có trình độ ngoại ngữ trong giao tiếp, có đủ khả năng trực tiếp tham gia đàm phán và giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế. Thực tế hiện nay, chất lượng luật sư tại thành phố Hải Phòng ngày càng được nâng lên. Đa số các luật sư đều yêu nghề, có ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, chịu khó học tập và trau dồi kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của mình. Không có trường hợp phải xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm pháp luật Nhà nước. Các luật sư tham gia các vụ án cũng như thực hiện tư vấn cho khách hàng với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn thận, chu đáo và nghiêm túc trong hoạt động nghề nghiệp của mình, từ các hoạt động như thu thập tài liệu, chứng cứ, nghiên cứu hồ sơ vụ án, chuẩn bị bài bào chữa ... và các hoạt động bào chữa khác. Phối hợp cùng với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước của thành phố để thực hiện trợ giúp pháp lý cho các địa phương, các cá nhân, tổ chức có yêu cầu [12].

Mặt khác, BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc tổ tụng hình sự được đảm bảo, các quyền trong hoạt động bào chữa của luật sư và yêu cầu của cải cách tư pháp là một trong những cơ sở góp phần cải thiện chất lượng của luật sư nhất là trong hoạt động bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tạo điều kiện

cho luật sư trong hành nghề của mình, tăng thêm sự chủ động, công bằng tại phiên tòa, tránh để xảy ra các trường hợp oan, sai.

Tuy nhiên, so với yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay, thì đội ngũ luật sư thành phố Hải Phòng vẫn còn tồn tại, thiếu sót như: Một số luật sư chưa chủ động trong việc trau dồi kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của mình, trình độ ngoại ngữ của đại đa số luật sư còn hạn chế, chưa có luật sư đủ trình độ và bản lĩnh để độc lập tham gia các vụ án lớn về kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài; kỹ năng tranh tụng và hùng biện còn hạn chế [12].

### ***2.1.2. Nhận thức pháp luật của người bị buộc tội***

Trình độ dân trí ở nước ta nói chung và ở thành phố Hải Phòng còn chưa cao, nhận thức về pháp luật cũng như dịch vụ pháp lý của luật sư còn hạn chế và chưa được đúng đắn. Nhìn chung những người bị buộc tội ở thành phố Hải Phòng còn có nhận thức về trường hợp thuê luật sư bào chữa chỉ làm tăng nặng tội hơn và tốn tiền nhưng không giải quyết được việc; hoặc cho rằng đã mời luật sư bào chữa thì luật sư phải bào chữa theo yêu cầu của họ là phải gỡ tội bằng được hoặc thuê luật sư là để chạy án cho họ thoát án hoặc để hưởng án treo. Những nhận thức như vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động hành nghề và uy tín của giới luật sư nói chung, và làm mất đi giá trị của hoạt động bào chữa của người bào chữa trong đó có luật sư. Hay nói cách khác, chính vì người dân, người bị buộc tội còn nhận thức như vậy nên số lượng luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự ở thành phố Hải Phòng vẫn đang còn hạn chế và hoạt động của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chưa được chú trọng hơn.

Hơn nữa, người bị buộc tội thường đa số chưa hiểu được sự tham gia tố tụng của mình và vai trò của người bào chữa là cần thiết, thậm chí người bị buộc tội còn chưa tin tưởng, e ngại sự có mặt của luật sư sẽ khiến người tiến hành tố tụng xử phạt nặng hơn và không có thiện cảm với chính mình. Việc nhận thức không đúng về vai trò của người bị buộc tội trong hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử cũng là một rào cản lớn đến việc người bị buộc tội thực hiện hoạt động bào chữa của mình và hoạt động bào chữa của luật sư.

Mặt khác, chính những người bị buộc tội là những người đang bị bắt, bị giam, tạm giữ và những người đại diện của họ không có khả năng thực hiện việc tự bào chữa có hiệu quả. Khi đang bị tạm giam, tạm giữ thì những người bị buộc tội đó cũng không có điều kiện để thực hiện các hoạt động bào chữa khác nhằm bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp cho mình. Người bị buộc tội trong trường hợp này chỉ thực hiện được

hoạt động bào chữa tại phiên tòa hoặc trình bày lời khai ở các cơ quan tiến hành tố tụng trước đó. Việc thực hiện các hoạt động khác như thu thập các tài liệu chứng cứ, thu thập các căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ... thì thường do người đại diện của người bị buộc tội hoặc luật sư của người bị buộc tội thực hiện. Nhận thức của người bị buộc tội cũng quyết định đến hoạt động bào chữa của mình và của luật sư bào chữa. Nếu NBBT có nhận thức pháp luật cao thì có thể thực hiện hoạt động bào chữa của mình có hiệu quả và có thể không cần đến nhờ người khác bào chữa. Trường hợp này NBBT thực hiện quyền tự bào chữa. Và NBBT nếu có nhận thức pháp luật thấp thì thường nhờ người bào chữa hoặc người đại diện thực hiện hoạt động bào chữa cho mình và hoạt động bào chữa của NBBT có hiệu quả hay không là do những người này thực hiện. Hơn nữa, trong mọi trường hợp khi NBBT có nhận thức pháp luật thì thực hiện hoạt động bào chữa có hiệu quả cao hơn nhất là hoạt động trình bày tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

### ***2.1.3. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của thẩm phán, hội thẩm***

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Tòa án đóng vai trò là trung tâm, xem xét, đánh giá các chứng cứ, tài liệu mà các bên cung cấp, đưa ra tại phiên tòa, trên cơ sở các quy định pháp luật về chứng cứ cũng như các quy định tố tụng khác tòa án giải quyết vụ án. Mặt khác, việc giải quyết vụ án còn tùy thuộc vào trình độ chuyên môn, nhận thức cũng như niềm tin nội tâm của Thẩm phán xét xử vụ án. Trong phiên tòa, Thẩm phán là người trọng tài, điều khiển phiên tòa, cùng với hội thẩm nhân dân xem xét toàn bộ các chứng cứ mà các bên đưa ra. Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho NBBT và NBC thực hiện các quyền nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Hay Thẩm phán là người tạo điều kiện cho quá trình tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội diễn ra bình đẳng, dân chủ, khách quan và các chứng cứ mà các bên đưa ra đều được Hội đồng xét xử xem xét như nhau, thực hiện việc kiểm tra chéo bởi các bên nhằm kiểm tra tính trung thực, có căn cứ và tính liên quan của chứng cứ, đồng thời Hội đồng xét xử đảm bảo cho các quyền tranh tụng của các bên, không bên nào được lấn át hay áp đặt nhận thức đối với bên kia.

Hoạt động tố tụng hình sự là một hoạt động tương đối phức tạp của các chủ thể, nhất là hoạt động xét xử vụ án hình sự, trong hoạt động tranh tụng giữa một bên là người dân, và một bên là cơ quan nhà nước – Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan tiến hành tố tụng khác thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm. Không ít trường hợp trong quá trình tố tụng vụ án hình sự những người tiến hành tố

tụng đã có những hành vi xâm phạm đến các quyền, lợi ích hợp pháp của NBBT và của những người tham gia tố tụng khác.

Ở thực tiễn tại thành phố Hải Phòng hiện nay, đa số trong các vụ án hình sự thì Thẩm phán đã tạo điều kiện cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa cũng như hoạt động bào chữa của NBBT và NBC được thực hiện đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Hiện nay, tổng số biên chế của ngành Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng gồm có 252 người trong đó có 99 thẩm phán trung cấp và sơ cấp, cụ thể gồm:

- Tổng số biên chế của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là 60 người, trong đó có 15 thẩm phán trung cấp.

- Tổng số biên chế của Tòa án nhân dân cấp huyện của thành phố Hải Phòng là 192 người, trong đó 84 Thẩm phán là trung cấp và sơ cấp.

Bên cạnh đội ngũ thẩm phán thì thành phố Hải Phòng còn có đội ngũ Hội thẩm nhân dân gồm 302 người, trong đó tòa án nhân dân thành phố có 35 Hội thẩm nhân dân và tòa án nhân dân quận, huyện có 267 người.

Với số lượng Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân hiện nay của thành phố Hải Phòng đáp ứng đủ nhu cầu về hoạt động xét xử vụ án hình sự, tạo điều kiện cho các vụ án hình sự diễn ra theo đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự và là cơ sở để NBC và NBBT thực hiện hoạt động bào chữa của mình. Bên cạnh đó, thực tiễn ở thành phố Hải Phòng thì Thẩm phán đều có chuyên môn và trình độ nghiệp vụ. Trong các vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng đa số các Thẩm phán đều tạo điều kiện cho các bên tham gia tố tụng trình bày quan điểm cũng như được tranh luận một cách bình đẳng, tạo các điều kiện cho hoạt động bào chữa thực hiện có hiệu quả cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có một số trường hợp Thẩm phán còn chưa cho NBBT thực hiện quyền bào chữa của mình tại phiên tòa một cách đầy đủ và bình đẳng, việc đưa ra các chứng cứ, tài liệu của NBBT vẫn chưa được Thẩm phán công nhận và còn gây khó khăn trong việc xem xét các tài liệu là chứng cứ mà NBBT đưa ra. Một số trường hợp Thẩm phán còn ngắt lời tranh tụng của luật sư khi tranh tụng với KSV, và quan điểm của luật sư bào chữa chưa được ghi nhận vào bản án trong quá trình nghị án của Hội đồng xét xử.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Thị D phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy

Vào khoảng tháng 6/2019, trong khi dọn tủ quần áo của gia đình, D phát hiện trong quần áo cũ của chồng là Nguyễn Văn H (đã chết năm 2018) có một đoạn ống nhựa kích thước 2x0,5cm được hàn kín hai đầu bên trong có tinh thể màu trắng. D tiếp tục để đoạn ống nhựa đó vào tủ quần áo. D nghĩ đó là ma túy vì chồng D vốn là người nghiện. Vào sáng ngày 10/5/2019 vì buồn chuyện gia đình nên D đã lấy chiếc



ống nhựa đó giấu trong túi của áo nắng đi đến một nơi kín để nhằm mục đích sử dụng, đang đi trên đường đến thôn Trần Phú, xã An Thắng, huyện An Lạc thì bị Công an phát hiện, thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận điều tra của Cơ quan công an thành phố Hải Phòng kết luận trong chiếc ống nhựa chứa 0.1815gam là ma túy loại methamphetamine.

Tòa án nhân dân huyện An Lão xử phạt Nguyễn Thị D 12 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho Nguyễn Thị D cho rằng hành vi của D không phải là hành vi tàng trữ ma túy. Bởi vì, số ma túy đó là của chồng (đã mất) của chị đã bỏ ở quần áo và để trong tủ, khi chị D dọn tủ thì thấy và sau đó đã đem đi để sử dụng, chị D không có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp số ma túy trên. Bản thân D là con nghiện, vì sợ nếu sử dụng ở nhà thì người trong gia đình biết nên D đã đem đi nơi khác vắng vẻ để sử dụng. Khi đang đi đến nơi vắng vẻ để sử dụng thì bị cơ quan công an bắt, khám xét và phát hiện trên người D có ống nhựa trên là đựng ma túy. Luật sư bào chữa đã đề nghị không truy tố chị D về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Nhưng VKS và Thẩm phán cho rằng, chị D đã cất giấu số ma túy trên để nhằm mục đích sử dụng và HĐXX đã xử phạt chị D 12 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Lập luận của luật sư không được HĐXX xem xét chấp nhận và ý kiến của luật sư không được ghi vào bản án.

#### **2.1.4. Quy định của pháp luật**

Có thể nói quy định của pháp luật hình sự cũng như các quy định của pháp luật có liên quan là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động bào chữa nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng nói riêng. Khi thực hiện hoạt động bào chữa thì NBBT và NBC trên cơ sở các quy định pháp luật về quyền cũng như nghĩa vụ của mình thực hiện hoạt động bào chữa. Hay nói cách khác, NBBT và NBC thực hiện hoạt động bào chữa theo các quy định của pháp luật nhất là quy định về pháp luật tố tụng hình sự, NBC là luật sư ngoài thực hiện hoạt động bào chữa theo các quy định về pháp luật hình sự thì còn thực hiện hoạt động bào chữa trên cơ sở Luật luật sư và Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Bên cạnh những quy định pháp luật mở ra tạo điều kiện cho hoạt động bào chữa thực hiện và phát triển thì còn có không ít quy định của pháp luật mà khi thực hiện hoạt động bào chữa còn gặp khó khăn, vướng mắc. Hơn nữa, một số trường hợp khi thực hiện hoạt động bào chữa trên thực tế cũng đang tồn tại trường hợp pháp luật chưa quy định hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể cũng gây khó khăn trong hoạt động bào chữa. Do đó,

đối với các quy định pháp luật còn bộ lộ sự hạn chế sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của hoạt động bào chữa nói chung và hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng nói riêng.

## **2.2. Tổng quan thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng**

### **2.2.1. Thực trạng hoạt động bào chữa của người bị buộc tội**

Qua khảo sát thực tiễn tại thành phố Hải Phòng cho thấy, NBBT tự bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chiếm đa số trong các vụ án hình sự, nhưng chất lượng của hoạt động bào chữa của NBBT chưa cao. Một phần do nhận thức pháp luật còn hạn chế và nhận thức về việc nhờ luật sư bào chữa đang còn thấp. Nhưng bên cạnh đó một số vụ án có NBBT thực hiện hoạt động bào chữa cho mình cũng đã đạt được một số kết quả. Một số trường hợp thì NBBT có trình độ nhận thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, một số trường hợp thì NBBT được người tiến hành tố tụng, người bào chữa hay những người đại diện giải thích pháp luật nên hoạt động bào chữa cũng đã đạt được hiệu quả nhất định. Bên cạnh đó, đối với những bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam, tạm giữ thì việc thực hiện các hoạt động bào chữa ở giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như các hoạt động bào chữa để chuẩn bị phiên tòa bị hạn chế hơn. Việc thực hiện các hoạt động bào chữa bên ngoài chủ yếu được thực hiện thông qua người đại diện hoặc thông qua người bào chữa đối với trường hợp có người bào chữa.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thực tiễn ở thành phố Hải Phòng thì NBBT trên cơ sở các quy định của pháp luật về các quyền và nghĩa vụ đã thực hiện một số hoạt động bào chữa như: Thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án; Đưa ra, cung cấp các thông tin, chứng cứ, tài liệu; Đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu, hồ sơ vụ án; Nghiên cứu hồ sơ vụ án; Trao đổi với người bào chữa... và một số hoạt động khác.

*- Thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án;*

Hoạt động thu thập các tài liệu, chứng cứ của bị can trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thực tiễn ở thành phố Hải Phòng vẫn đang còn hạn chế. Bị can chưa có kế hoạch để thực hiện hoạt động này một cách cụ thể. Một số vụ án có bị can đang nhìn nhận hoạt động thu thập chứng cứ là của cơ quan điều tra nên chưa có ý thức chủ động thực hiện. Một số vụ án thì bị can đang thực hiện biện pháp ngăn chặn tạm giam nên không có điều kiện để thực hiện hoạt động thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án. Tuy nhiên, bên cạnh đó, có một số vụ án bị can đã thực hiện thu thập chứng cứ có giá

trị cho việc giải quyết vụ án, đảm bảo được quyền, lợi ích cho mình, giúp cơ quan tiến hành giải quyết vụ án được nhanh chóng, khách quan.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Khắc D cố ý gây thương tích

Đỗ Đức H và Nguyễn Khắc D là bạn của nhau, vào ngày 12/5/2018 hai người rủ nhau đi uống bia quán MK ở Yên Lãng, thành phố Hải Phòng. Hai người uống bia được một lúc thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, một lúc sau thì D lên xe máy của mình và ra khỏi quán để đi về, trong lúc đó thì H chạy vào bếp của quán lấy một chiếc dao phay chạy theo đuổi để chém D. D đang chạy xe máy trên đường để về nhà thì H cầm dao phay chạy xe máy cùng chiều đã chém xướt nhẹ một vết đứt dài trên tay trái của D, tay trái D có chảy máu nhẹ. D và H cùng dừng xe lại D nhanh chóng lấy chân đá văng chiếc dao phay khỏi tay H, sau đó D đâm liên tiếp vào bụng H. Kết quả H bị thương tích 23%.

Chiếc dao phay mà H cầm để chém trên tay D, Cơ quan điều tra không thu thập được do chị Nguyễn Thị Y có nhà ở cạnh nơi xảy ra vụ việc đã lấy và mang vào nhà cất. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Nguyễn Khắc D đã tự mình thu thập chiếc dao phay tại nhà chị Y và dao nộp cho cơ quan điều tra.

Chiếc dao phay là chứng cứ đã chứng minh hành vi cố ý gây thương tích của D là xuất phát từ hành vi phạm tội của H (H đã sử dụng dao phay chém D trước). Đây là tình tiết để HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho D.

*- Đưa ra, cung cấp các thông tin, chứng cứ, tài liệu;*

Việc đưa ra, cung cấp các thông tin, chứng cứ, tài liệu của bị can được thực hiện sẽ góp phần giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết được nhanh chóng, hiệu quả vụ án hơn, cũng như đảm bảo được tối đa các quyền của người bị buộc tội. Thực tiễn ở thành phố Hải Phòng cho thấy việc người bị buộc tội đã thực hiện hoạt động cung cấp được đầy đủ các tài liệu, thông tin mà cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu. Hơn nữa, có nhiều vụ án mà NBBT đã thực hiện việc cung cấp các thông tin, tài liệu đảm bảo quyền, lợi ích cho mình, các hoạt động như: cung cấp thông tin về nhân thân; đưa ra các tài liệu, hồ sơ chứng minh có người thân là chiến sĩ cách mạng, thương binh, liệt sĩ; các thông tin liên quan đến vật chứng, người làm chứng; các thông tin về đồng phạm, người bị hại, những người có quyền, lợi ích liên quan; Các thông tin về động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội....

*- Sao chép, nghiên cứu hồ sơ vụ án;*

Việc nghiên cứu hồ sơ vụ án của NBBT có ý nghĩa trong việc phát hiện những điểm chưa hợp lý và có mâu thuẫn cũng như có ý nghĩa đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án. Từ đó, NBBT sẽ chỉ ra những tình tiết không đúng sự thật, góp phần nhận ra

những vi phạm của cơ quan tiến hành tố tụng, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của mình. Thực tiễn ở thành phố Hải Phòng thì NBBT đã có hoạt động sao chép, nghiên cứu hồ sơ vụ án trong các vụ án hình sự. Tuy nhiên, ở mỗi vụ án thì việc nghiên cứu hồ sơ của các bị can được thực hiện khác nhau và tùy vào trình độ, nhận thức của mỗi bị cáo mà hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án có hiệu quả khác nhau. Cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã tạo điều kiện cho NBBT thực hiện hoạt động sao chép, sao chụp hồ sơ của vụ án.

*- Trao đổi với người bào chữa;*

Thực tiễn tại thành phố Hải Phòng trong các vụ án hình sự có người bào chữa là luật sư thì bị can, bị cáo cũng đã có hoạt động gặp, trao đổi với luật sư bào chữa. Tuy nhiên, trong hoạt động này thì bị can, bị cáo thường không chủ động thực hiện mà việc gặp, trao đổi mà thường được luật sư chủ động thực hiện trước. Trong khi thực hiện hoạt động trao đổi thì NBBT cũng đã trao đổi các vấn đề về nội dung của vụ án, về động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội và trao đổi các tình tiết liên quan của vụ án.

*- Trình bày lời khai, trình bày ý kiến tại phiên tòa*

Hoạt động trình bày lời khai, trình bày các ý kiến tại phiên tòa của bị cáo sẽ góp phần giúp cho HĐXX đánh giá được toàn diện khách quan nội dung của vụ án cũng như góp phần xem xét về tính khách quan của các tình tiết trong vụ án, các lời khai, biên bản hỏi cung... từ đó phát hiện những vi phạm về tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trước đó. Mặt khác, khi trình bày các lời khai của mình tại phiên tòa của bị cáo thì sẽ đảm bảo được tính khách quan và đúng đắn hơn tạo điều kiện để bị cáo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Thực tiễn ở thành phố Hải Phòng thì các bị cáo trong vụ án hình sự đã thực hiện hoạt động này một cách đầy đủ và tích cực, HĐXX cũng đã tạo điều kiện để cho bị cáo thực hiện các hoạt động bào chữa này của mình. Tuy nhiên, trong một số vụ án thì bị cáo trình bày lời khai của mình tại phiên tòa còn quanh co, khi HĐXX hoặc những người tiến hành tố tụng khác hỏi thì mới trả lời nên chất lượng của hoạt động bào chữa này của bị cáo chưa đạt hiệu quả cao.

*- Đề nghị với Tòa án*

Hoạt động đề nghị với Tòa án của bị cáo tại thành phố Hải Phòng đã được thực hiện nhưng vẫn đang còn hạn chế. Các bị cáo đã thực hiện hoạt động đề nghị với Tòa án như: đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, những người có liên quan; đề nghị cho được ngồi trong suốt phiên tòa để trình bày vì lý do sức khỏe; đề nghị Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai ... các đề nghị của bị cáo đa số được HĐXX chấp nhận.

Hoạt động đề nghị với Tòa án của bị cáo có ý nghĩa đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo cũng như đảm bảo tính khách quan của vụ án.

### ***2.2.2. Thực trạng hoạt động bào chữa của luật sư***

Chuẩn bị xét xử là một giai đoạn quan trọng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Giai đoạn chuẩn bị xét xử được bắt đầu từ khi tòa án thụ lý hồ sơ. Trong giai đoạn này các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như luật sư, NBBT chuẩn bị các hoạt động để tham gia phiên tòa xét xử. Ở giai đoạn này luật sư thường nghiên cứu kỹ các tình tiết của vụ án và bước đầu trình bày quan điểm của mình, có ý kiến, kiến nghị đề xuất, yêu cầu Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện những hành vi tố tụng khác nhau theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho NBBT. Và luật sư thực hiện một số hoạt động để chuẩn bị tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích cho NBBT. Qua thực tiễn khảo sát tại thành phố Hải Phòng thì đa số các luật sư của Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng đều thực hiện các hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị xét xử tốt, các luật sư thể hiện tính năng động, tinh thần trách nhiệm của mình cao đối với các hoạt động bào chữa của mình. Đa số các luật sư kể cả luật sư được mời và các luật sư tham gia vụ án theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng đều thực hiện các hoạt động bào chữa đạt những kết quả khả quan. Các hoạt động được thể hiện cụ thể như: nghiên cứu hồ sơ vụ án; gặp, trao đổi với bị cáo; hoạt động đề xuất, kiến nghị với Tòa án; Thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa; chuẩn bị kế hoạch hỏi và bài bào chữa...

#### ***- Hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án***

Thực tế khảo sát các luật sư ở thành phố Hải Phòng thì đều cho rằng đã nghiên cứu hồ sơ vụ án khi thực hiện bào chữa cho thân chủ của mình trong vụ án hình sự. Và việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, đa số các luật sư đều nghiên cứu theo một trình tự phân nhóm hồ sơ và tùy từng vụ án cụ thể các luật sư có cách thức nghiên cứu khác nhau, ví dụ: nghiên cứu hồ sơ theo nhóm các tài liệu, chứng cứ của cơ quan tiến hành tố tụng và nhóm hồ sơ các tài liệu về lời khai của người bị buộc tội và những người có liên quan; có luật sư thì nghiên cứu hồ sơ theo thời gian xảy ra sự việc, theo bút lục hồ sơ vụ án... Thực tiễn cho thấy, đa số các luật sư thường nghiên cứu hồ sơ theo nhóm các tài liệu, chứng cứ có liên quan với nhau và thường nghiên cứu ở các tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng trước, như bản Kết luận điều tra của cơ quan Công an, bản cáo trạng của Viện kiểm sát... rồi sau đó nghiên cứu về các tài liệu như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can... Khi nghiên cứu hồ sơ thì đa số các luật sư xem xét các tình tiết liên quan cả về nội dung

vụ án và liên quan đến thủ tục tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng để xác định có sự vi phạm nghiêm trọng trong tố tụng hay không. Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ thì luật sư thường cũng phát hiện các vi phạm nghiêm trọng về tố tụng hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng như: điều tra viên không phổ biến quyền và nghĩa vụ cho bị cáo, lấy cung vào ban đêm mà không ghi rõ lý do...; phát hiện mâu thuẫn về các lời khai của bị can với bản cáo trạng; giữa lời khai của bị can với biên bản giám định, kết luận điều tra ... Khi thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ vụ án thì các luật sư thường phân định được các nhóm tài liệu, chứng cứ có lợi và bất lợi cho thân chủ của mình, từ đó nhận định được một cách khách quan sự thật vụ án và đưa ra định hướng bào chữa cho bị cáo; tìm ra những điểm chưa rõ ràng và cần chứng minh trong vụ án.

Ví dụ: phát hiện mâu thuẫn trong các lời khai của các bị can với nhau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án.

Vụ án: “Cao Văn T đưa hối lộ”: Vào khoảng tháng 6, 7 năm 2018 Phan Văn A đã tự đưa vật liệu lên xây dựng xung quanh khu đất làm nghĩa trang trồng tại thôn RC. Mục đích là để ai có nhu cầu mua thì bán. Đến tháng 9 năm 2018 có anh Trần Quang H có nhu cầu mua. Hai người thỏa thuận giá mua bán 80m<sup>2</sup> đất với giá 200 triệu đồng. Ngày 02/10/2018 A tự làm một bộ hồ sơ để xác nhận phần đất trên có để trồng phân chữ ký của những người có liên quan trong đó có ông Nguyễn Huy Đ là địa chính xã, A đưa bộ hồ sơ và một số tiền đến nhờ Nguyễn Viết D ở cùng thôn để nhờ đi làm giúp và hướng dẫn gặp những người có tên trong hồ sơ để xin chữ ký. Sau khi D xin chữ ký của những người liên quan xong thì đến nhà ông Nguyễn Huy Đ để xin xác nhận vào hồ sơ. D để hồ sơ và 10 triệu đồng trong cốp xe gặp Đ ở cổng nhưng Đ từ chối “chú có việc bận có gì thì hôm sau”. D đi về sau đó đến nhà Cao Văn T để nhờ T xuống gặp Đ nói giúp một câu để ông Đ ký xác nhận vào hồ sơ. T đồng ý giúp và D đưa bộ hồ sơ cho T. Khoảng mấy ngày sau thì T cầm bộ hồ sơ mà Đ đã ký xác nhận đưa lại cho D. D có đưa tiền để cảm ơn T đã giúp đỡ. D đã đưa hồ sơ cho A sau khi xin đầy đủ các chữ ký.

Khi nghiên cứu hồ sơ luật sư phát hiện có sự mâu thuẫn như sau:

*Thứ nhất:* Mâu thuẫn trong các lời khai của Cao Văn T về số tiền T nhận từ D, cụ thể:

Tại BL 673, 680: T khai D đưa hồ sơ và số tiền 8 triệu đồng và số tiền trên T đã bỏ túi quần và đi tiêu xài, mua sắm cá nhân hết. Khi T đưa hồ sơ cho Đ là chỉ đưa hồ sơ chứ không đưa tiền.

Tại các BL 675, 689... các lời khai này đều khẳng định số tiền D đưa tiền cho T là 9 triệu đồng nhờ Đ đã ký xác nhận xong hồ sơ.

Tại Biên bản đối chất ngày 15/01/2019 thì T cũng khẳng định D đưa cho T là 9 triệu đồng và nói cảm ơn khi ông Đ đã ký xong hồ sơ.

*Thứ hai:* Mâu thuẫn giữa các lời khai của Cao Văn T với Hồ Viết D về thời điểm đưa tiền;

Hồ Viết D khai thời điểm đưa tiền cho T là đưa cùng hồ sơ và khi Đ chưa ký xong hồ sơ xác nhận đất. (tại các Bút lục: 622, 623, 643, 645 ...)

Cao Văn T có nhiều lời khai khẳng định D đưa tiền sau khi Đ đã ký xong hồ sơ xác nhận đất và nói cảm ơn. (thể hiện tại bản tường trình ngày 28/2/2019 (BL 674); Biên bản ghi lời khai ngày 28/2/2019 (BL 682, 683).

*- Hoạt động gặp, trao đổi với bị cáo*

Hoạt động gặp, trao đổi với bị cáo có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích cho bị cáo. Luật sư sẽ hiểu rõ về thái độ, tâm lý, nguyện vọng của bị cáo, từ đó luật sư dễ tiếp cận với bị cáo hơn, giúp bị cáo tin tưởng luật sư và có nhận thức đúng đối với hoạt động bào chữa của mình cũng như hoạt động bào chữa của luật sư. Khi nhận được sự tin tưởng của bị cáo thì luật sư sẽ dễ dàng tìm hiểu được nội dung khách quan của vụ án, hiểu được động cơ, mục đích, hoàn cảnh thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, để từ đó xác định được hành vi của bị cáo có cấu thành tội phạm hay không và xác định hướng bào chữa của mình. Khi tiếp xúc trao đổi với bị cáo, luật sư giải thích các quy định pháp luật liên quan, cần thiết để bị cáo thực hiện hoạt động bào chữa cho mình, trình bày trước tòa như thế nào cho phù hợp, đúng quy định pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Khi nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo có cấu thành tội phạm thì luật sư phân tích, giải thích cho bị cáo thấy ý nghĩa của sự thành khẩn khai báo đối với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và thực hiện những hoạt động để hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác.

Ở giai đoạn xét xử vụ án hình sự thì thường là các luật sư đã tìm hiểu kỹ và nắm được nội dung vụ án, những chứng cứ có lợi, chứng cứ bất lợi và những điểm trong hồ sơ vụ án chưa được làm rõ cần bổ sung. Từ đó, luật sư khi gặp bị cáo sẽ có những dự định cho cuộc gặp đạt kết quả cao. Luật sư thường trao đổi với bị cáo những vấn đề như: những điểm trong hồ sơ chưa rõ mà bị cáo có thể thực hiện được; giải thích cho bị cáo biết quy định pháp luật về các quyền của bị cáo được thực hiện tại phiên tòa, về trình tự, thủ tục của phiên tòa ... và các hoạt động khác mà luật sư cho là cần thiết

để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nhất cho bị cáo như: thống nhất quan điểm và hướng bào chữa của mình cho bị cáo, thống nhất với bị cáo về các câu hỏi.

Thực tiễn, tại thành phố Hải Phòng đa số các luật sư đều thực hiện hoạt động gặp, trao đổi với bị cáo ở giai đoạn chuẩn xét xử vụ án hình sự. Khi gặp, trao đổi với các bị cáo các luật sư đã thực hiện xây dựng và hỏi các câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, giúp bị cáo trả lời đúng trọng tâm. Các lần gặp bị cáo các luật sư đã làm rõ được những thông tin cần thiết cho hoạt động bào chữa của mình. Tuy nhiên, hoạt động gặp, trao đổi với bị cáo của các luật sư tại thành phố Hải Phòng còn có một số khó khăn nhất định, như: thời gian gặp, trao đổi với bị cáo còn hạn chế, luật sư chưa trao đổi được hết các vấn đề đã dự kiến; Cơ quan điều tra còn gây khó khăn trong việc vào gặp bị cáo; một số trường hợp bị cáo chưa tin tưởng luật sư nên luật sư chưa khai thác hết các nội dung để nhằm phục vụ mục đích hoạt động bào chữa; Hơn nữa, một số luật sư còn chưa có kế hoạch cụ thể trong hoạt động gặp để trao đổi với bị cáo nhằm làm rõ được các thông tin cần thiết.

*- Hoạt động đề xuất, kiến nghị với Tòa án;*

Thực tiễn hoạt động đề xuất, kiến nghị với Tòa án tại thành phố Hải Phòng các luật sư đã thực hiện hoạt động trao đổi, đề xuất với tòa án trong một số vụ án. Khi có căn cứ thì luật sư đã đề nghị tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, đề nghị VKS rút một phần hoạt toàn bộ quyết định truy tố...

*- Thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa*

Tại thành phố Hải Phòng, các luật sư đã thực hiện hoạt động thu thập tài liệu, đồ vật liên quan đến hoạt động bào chữa. Khi thu thập được các tài liệu đồ vật liên quan vụ án thì các luật sư đã tiến hành việc phân tích, đánh giá các đồ vật, tài liệu đó về việc các tài liệu, đồ vật đó có giá trị chứng cứ không, là những chứng cứ có lợi hay bất lợi cho bị cáo. Những tài liệu đồ vật đó có giá trị như thế nào đối với hoạt động bào chữa cho bị cáo, có giá trị về giảm nhẹ hay tăng nặng trách nhiệm hình sự, xác định bị cáo có tội hay không có tội hay xác định được mức bồi thường dân sự trong vụ án hình sự của bị cáo.

Đối với từng vụ án cụ thể mà việc thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết của vụ án được thực hiện khác nhau, và những tài, liệu đồ vật thu thập được có giá trị khác nhau. Các luật sư tại thành phố Hải Phòng thường thu thập các đồ vật, tài liệu về phản ánh các điều kiện không, thời điểm xảy ra tội phạm; những đồ vật là công cụ phạm tội, là đối tượng của tội phạm, tài liệu về nhân thân của bị cáo ... và một số tài liệu



khác có ý nghĩa cho hoạt động bào chữa. Một số trường hợp, luật sư không thể thu thập được tài liệu, nên đã đề nghị tòa án tiến hành việc thu thập để nhằm làm rõ các tình tiết của vụ án.

#### *2.2.2.2. Hoạt động bào chữa của luật sư tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

Như đã phân tích, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình được xem là giai đoạn trọng tâm của quá trình xét xử vụ án hình sự. Thông qua các hoạt động xét xử tại phiên tòa xác định bị cáo có tội hay không có tội và mức hình phạt được áp dụng. Tham gia phiên tòa không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng hình sự, của bị cáo và luật sư bào chữa. Để đảm bảo quyền của bị cáo tại phiên tòa thì pháp luật quy định luật sư có nghĩa vụ tham gia phiên tòa, vắng mặt lần thứ nhất Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, vắng mặt lần thứ hai nếu không có lý do chính đáng thì HĐXX vẫn tiếp tục mở phiên tòa. Trong các vụ án mà luật sư tham gia phiên tòa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì luật sư bắt buộc phải có mặt tại phiên tòa, nếu luật sư không có mặt thì phải hoãn phiên tòa. Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu từ khi khai mạc phiên tòa và kết thúc khi HĐXX tuyên án hoặc đình chỉ vụ án. Tại phiên tòa luật sư sử dụng các quyền mà pháp luật cho phép để thực hiện các hoạt động bào chữa của mình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Kết quả hoạt động tại phiên tòa là cơ sở để HĐXX xem xét, đưa ra phán quyết của mình đối với bị cáo. Vì vậy, trong phiên tòa thì vai trò của luật sư được thể hiện và phát huy một cách đầy đủ nhất bằng việc tham gia xét hỏi, tranh tụng và phát biểu ý kiến đánh giá chứng cứ, đưa ra các đề xuất của mình.

Thực tiễn ở thành phố Hải Phòng cho thấy, các luật sư tham gia phiên tòa một cách đầy đủ, nghiêm túc, phát huy tốt vai trò của mình trong các hoạt động như xét hỏi tại phiên tòa, tham gia tranh luận, đối đáp với bên buộc tội...

#### *- Thực tiễn hoạt động bào chữa của luật sư trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa sơ thẩm.*

Thủ tục bắt đầu phiên tòa có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự cũng như có vai trò trong việc giải quyết vụ án hình sự. Ở giai đoạn này là điều kiện cần thiết để đảm bảo cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được đảm bảo. Đa phần các luật sư đều cho rằng việc thực hiện các hoạt động bào chữa ngay từ giai đoạn bắt đầu phiên tòa là thực sự cần thiết và vô cùng quan trọng. Trong giai đoạn này, khi có căn cứ thì luật sư thực hiện đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch,

người dịch thuật hay không, lý do của việc đề nghị thay đổi. Nếu có người đề nghị thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định [31, Điều 302]. Lý do chủ yếu để luật sư đề nghị thay đổi đối với những người trên là những người này nếu tiếp tục tham gia tố tụng thì sẽ làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan, trung thực và dẫn đến trường hợp oan, sai. Ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa này Thư ký Tòa án báo cáo Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập và lý do vắng mặt. Vì vậy, luật sư thường ghi chép, chú ý đến những người tham gia phiên tòa để đảm bảo cho hoạt động bào chữa của mình, trong những trường hợp có liên quan đến sự có mặt hay vắng mặt của những người tham gia phiên tòa đó. Trong trường hợp, người tham gia phiên tòa vắng mặt có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động bào chữa làm rõ các tình tiết của vụ án thì luật sư cần đề nghị với HĐXX cho triệu tập hoặc đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa.

Ví dụ: Trong vụ án lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Trần Văn A mượn anh trai mình là Trần Văn B một chiếc xe ô tô tải để mục đích bán lấy tiền ăn tiêu. Khi A mượn B thì A nói “ anh cho em mượn chiếc xe ô tô để chở một ít hàng về bán ngày tết” và “anh ký hợp đồng mua bán tạm cho em để đỡ công an hỏi về xe chính chủ, vì em phải lấy hàng ở xa”. Vì tin tưởng A là em trai mình nên B đã cho A mượn xe và thực hiện hợp đồng mua bán có công chứng tại Văn phòng công chứng Z. Sau khi B ký xong hợp đồng mua bán xe tại Văn phòng công chứng và bàn giao xe cùng giấy tờ xe cho A thì A đã mang chiếc xe trên đi bán cho C được 150 triệu đồng ăn tiêu tết hết số tiền trên. Sau khi ra tết, B hỏi A để lấy lại chiếc xe thì biết A đã bán chiếc xe trên cho C và tiêu hết số tiền trên, A không có khả năng trả lại chiếc xe cho B. B đã trình báo sự việc lên Công an. Vụ án đã được Tòa án đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Công chứng viên chứng nhận hợp đồng mua bán công chứng giữa A và B vắng mặt và không còn làm việc tại Văn phòng công chứng Z nữa. Luật sư bào chữa cho B đã đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa và triệu tập Công chứng viên chứng nhận hợp đồng mua bán giữa A và B, vì Công chứng viên có vai trò trong việc xác định rằng có sự mua bán xe thật sự giữa A và B hay không hay hợp đồng công chứng không nhằm mục đích mua bán xe mà nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của A. Đề nghị của luật sư được HĐXX chấp nhận và đã hoãn phiên tòa triệu tập công chứng viên.

Nhìn chung, các luật sư tại Hải Phòng đã tham gia phần thủ tục bắt đầu phiên tòa đầy đủ và nghiêm túc, phát huy được vai trò cũng như hoạt động bào chữa của mình ở giai đoạn này. Về cơ bản các luật sư thực hiện đầy đủ các quyền của mình và thường có các hoạt động đề xuất với HĐXX để nhằm tìm kiếm những chứng cứ có lợi

cho bị cáo mà mình bào chữa, các hoạt động đề xuất của luật sư được thực hiện trong các trường hợp như: thiếu chứng cứ quan trọng nếu đưa vụ án ra xét xử và dẫn đến trường hợp kết án oan người vô tội hoặc xử phạt hình phạt nặng hơn, không đúng người, đúng tội; Có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; Thiếu những người tham gia tố tụng khác quan trọng mà sự có mặt của họ giúp làm sáng tỏ nội dung khách quan của vụ án và có lợi cho quyền lợi của bị cáo mà mình bào chữa, hoặc nếu thiếu người này thì không đủ căn cứ để kết tội bị cáo... các đề nghị của luật sư nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động bào chữa của luật sư ở phần bắt đầu phiên tòa vẫn đang còn gặp một số khó khăn, hạn chế như: một số luật sư tham gia phần bắt đầu phiên tòa còn chưa chú tâm vào các hoạt động của mình; chưa phát hiện được những trường hợp vắng mặt tại phiên tòa làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bị cáo mà mình bào chữa hoặc không làm rõ được các tình tiết có lợi cho bị cáo; Không kịp phát hiện được những vi phạm nghiêm trọng tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng để đưa ra các đề nghị; một số luật sư còn đưa ra các căn cứ để hoãn phiên tòa không phù hợp, không được HĐXX chấp nhận và một số trường hợp còn gây ra tình huống bất lợi cho bị cáo.

*- Thực tiễn hoạt động bào chữa của luật sư trong phần tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm*

BLTTHS năm 2015 đã gộp phần thủ tục xét hỏi và thủ tục tranh luận tại phiên tòa thành thủ tục tranh tụng so với BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, bản chất của phần tranh tụng thì cũng bao gồ thủ tục xét hỏi và tranh luận như trước đây nhưng nội dung đã được cụ thể hóa theo hướng HĐXX là trọng tâm, Thẩm phán thực hiện điều khiển phiên tòa và hoạt động tranh tụng của các bên được thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai, đảm bảo các bên đưa ra đầy đủ chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội giúp Tòa án xác định được nội dung sự thật của vụ án.

Trong phần xét hỏi thì nhiều luật sư cho rằng, nếu thực hiện tốt hoạt động bào chữa ở phần xét hỏi thì sẽ tạo nền tảng và cơ sở để hoạt động tranh luận được thực hiện có hiệu quả. Tại phần này, luật sư chuẩn bị kế hoạch hỏi cho từng đối tượng tham gia tại phiên tòa kể cả chuẩn bị kế hoạch hỏi cho bị cáo để làm rõ các tình tiết của vụ án mà luật sư cho rằng những tình tiết đó nhằm đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo mà mình bào chữa. Theo quy định tại Điều 307 BLTTHS năm 2015 thì “Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ...” [31].

Trong quá trình thực hiện việc xét hỏi hoặc nghe xét hỏi thì luật sư thực hiện việc nghe, ghi chép để phát hiện những tình tiết có lợi cho bị cáo, những tình tiết còn mâu thuẫn chưa được làm rõ thì luật sư tiếp tục xét hỏi để làm rõ các vấn đề. Từ đó, luật sư điều chỉnh kế hoạch hỏi cũng như bổ sung các tình tiết có lợi cho bị cáo vào bài bào chữa của mình.

Ví dụ: Trong vụ án” cố ý gây thương tích”. Một nhóm nam thanh niên gồm 5 người gồm Nguyễn Văn T, Trần Văn V, Nguyễn Văn H, Trần Đức K, Cao Minh Đ thực hiện hành vi gây thương tích cho chị Hoàng Thị Hồng M. Bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi gây thương tích cho chị Nguyễn Thị Hồng M. Trong quá trình xét hỏi, cùng với các tài liệu chứng cứ có trong vụ án thì luật sư bào chữa cho Cao Minh Đ nhận định người chủ mưu trong vụ án gây thương tích cho chị M là Nguyễn Văn T. Vì vậy, khi thực hiện hoạt động hỏi thì luật sư hỏi bị cáo Nguyễn Văn T trước để làm rõ vai trò chủ mưu của bị cáo, sau đó luật sư mới hỏi những bị cáo khác. Sau khi nghe các bị cáo khác trình bày qua việc xét hỏi của luật sư và các tài liệu khác chứng minh được rằng Nguyễn Văn T là người chủ mưu trong vụ án chứ không phải Cao Minh Đ, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi của mình và vai trò trong vụ án. Qua việc xét hỏi này, luật sư đã kịp thời bổ sung vào bài bào chữa của mình nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Cao Minh Đ.

Thực tiễn, nhiều luật sư đã đặt những câu hỏi sắc bén, đã làm cho người trả lời nêu bật được vấn đề và làm rõ được bản chất vụ án có lợi cho bị cáo mà mình bào chữa. Đối với những trường hợp khi đặt câu hỏi mà thấy có sự mâu thuẫn trong lời trình bày của các bị cáo khác đối với các chứng cứ, tài liệu vụ án mà làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo mà luật sư bào chữa thì luật sư đề nghị HĐXX cho công bố những tài liệu, chứng cứ trên để làm rõ. Tùy từng vấn đề và từng đối tượng được hỏi mà luật sư đặt những câu hỏi khác nhau, như các dạng câu hỏi đóng hoặc mở. Nhìn chung, đối với phần xét hỏi tại phiên tòa các luật sư tại thành phố Hải Phòng đã chuẩn bị được kế hoạch hỏi một cách chi tiết, cụ thể, linh hoạt đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự. Tuy nhiên, bên cạnh đó, còn một số luật sư trong phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa đang còn một số hạn chế, như trường hợp có tình huống phát sinh tại phiên tòa có ý nghĩa trong hoạt động bào chữa những luật sư chưa dự kiến được trong kế hoạch hỏi, dẫn đến chưa làm rõ được vấn đề và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của thân chủ.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi thì chuyển sang phần tranh luận, đây được coi là thời điểm mà hoạt động bào chữa của luật sư thể hiện rõ nét nhất. Trong phần tranh luận này thì luật sư trình bày bài bào chữa của mình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo và thực hiện việc đối đáp, tranh luận với VKS. Khi trình bày quan điểm bào chữa, các luật sư thường tập trung vào tội danh mà VKS truy tố đối với bị cáo, cùng với các chứng cứ, tài liệu mà luật sư đã nghiên cứu thì luật sư đưa ra quan điểm bào chữa của mình là chuyển tội danh khác, giảm nhẹ tội so với tội danh mà VKS đã truy tố hay thực hiện bào chữa theo hướng vô tội (bị cáo không phạm tội mà VKS đã truy tố). Tùy vào tính chất của từng vụ án mà luật sư trình bày quan điểm theo hướng khác nhau để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo. Khi thực hiện việc đối đáp, luật sư thường đưa ra các lý luận sắc bén để bác bỏ một phần hay toàn bộ quan điểm của VKS khi cho rằng quan điểm của VKS không đúng sự thật khách quan, thiếu căn cứ pháp luật. Đối với những vụ án mà luật sư nhận định bị cáo có tội thì luật sư thường bào chữa theo hướng giảm nhẹ tội danh mà VKS đưa ra.

Thực tế cho thấy, hoạt động tranh luận của luật sư tại phiên tòa là thể hiện hoạt động có tính tác nghiệp, thể hiện năng lực và trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của luật sư. Việc lập luận của luật sư tại phiên tòa là cơ sở để HĐXX đánh giá các chứng cứ gỡ tội, xem xét nội dung vụ án một cách khách quan và toàn diện. Vì vậy, những quan điểm và lập luận của luật sư trong phiên tòa nhất là ở giai đoạn tranh luận sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc quyết định liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Đa số các luật sư cho rằng thực hiện việc tranh luận tại phiên tòa của luật sư không những tranh luận, đối đáp với VKS mà còn là một hoạt động thuyết phục thẩm phán, HĐXX xem xét vụ án khách quan trên quan điểm của luật sư đưa ra. Việc thuyết phục được HĐXX, Thẩm phán xem xét vụ án theo quan điểm của mình được hay không chính là do năng lực và trình độ chuyên môn của luật sư. Mặt khác, việc thực hiện tranh luận tại phiên tòa cũng được xem là nơi thể hiện năng lực, trình độ của luật sư trong hoạt động bào chữa, từ đó tạo nên uy tín của luật sư nói riêng và nghề luật sư nói chung. Do vậy, khi trình bày quan điểm của mình đối với vụ án và thực hiện hoạt động đối đáp với VKS thì luật sư phải cực kỳ thận trọng trong việc phân tích, đưa ra các chứng cứ, đánh giá của mình.

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì thực tiễn việc tranh luận tại phiên tòa tại thành phố Hải Phòng giữa bên buộc tội và bên bào chữa đã được thực hiện tranh luận một cách bình đẳng, dân chủ. VKS đã thực hiện hoạt động tranh luận đối đáp đến cùng đối với những vấn đề mà luật sư đưa ra, HĐXX đã tạo điều kiện cho luật sư, bị cáo được trình bày quan điểm của mình với những chứng cứ, tài liệu trong vụ án, đảm bảo các bị cáo và luật sư thực hiện các quyền của mình để bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Bên cạnh những việc làm được thì hoạt động tranh luận tại phiên tòa của bị cáo và các luật sư tại thành phố Hải Phòng vẫn còn một số hạn chế, tồn tại, như: Một số luật sư đang còn thiếu kỹ năng về trình bày bào chữa và kỹ năng tranh luận, đối đáp với VKS vì vậy còn lúng túng trong trình bày quan điểm bào chữa. Có những trường hợp, luật sư chưa đưa ra được các lập luận, lý lẽ để đối đáp lại với quan điểm của VKS; Quan điểm bào chữa của luật sư và bị cáo tại phiên tòa chưa có sự thống nhất; Một số luật sư chưa có sự linh hoạt trong phần tranh luận theo diễn biến phiên tòa, chưa thu thập được các tình tiết có lợi chi bị cáo qua hoạt động xét hỏi và tranh luận.

### **2.3. Đánh giá thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng**

#### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019, cùng với việc tăng số lượng luật sư thì số vụ án có luật sư tham gia ở thành phố Hải Phòng ngày càng tăng. Trong 5 năm Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng tham gia tổng có 5.151 số vụ án, trong đó số VAHS là 1.792 vụ chiếm 34,79% trong tổng số vụ án có luật sư tham gia của toàn thành phố. Số VAHS có luật sư được mời là 1.128 vụ, chiếm tỷ lệ 21,9% so với tổng số vụ án có luật sư tham gia và số vụ án có luật sư chỉ định tham gia theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng là 664 vụ chiếm 12,9% tổng số vụ án có luật sư. Con số này mặc dù đang còn khiêm tốn nhưng cũng cho thấy rằng số VAHS có luật sư tham gia tại thành phố Hải Phòng ngày càng tăng và chiếm tỷ lệ cao. Số vụ án có luật sư tham gia năm 2015 đến năm 2019 là tăng 646 vụ trong đó VAHS có luật sư tham gia năm 2015 đến năm 2019 tăng 411 vụ [8] [9] [10] [11] [12].

**Bảng 2.2: Tổng số vụ án hình sự có luật sư tham gia tại thành phố Hải Phòng**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số vụ án có luật sư</b>	<b>Số vụ án hình sự</b>	<b>Số vụ án dân sự</b>	<b>Số vụ án HC - LĐ</b>	<b>Số vụ án KD - TM</b>	<b>Vụ việc tư vấn</b>
2015	611	180	219	50	46	116
2016	869	219	190	42	61	357
2017	1.028	370	280	39	70	269
2018	1.386	432	285	53	81	535
2019	1.257	591	301	46	85	234
<b>Tổng</b>	<b>5.151</b>	<b>1.792</b>	<b>1.275</b>	<b>230</b>	<b>343</b>	<b>1.511</b>

(Nguồn: Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng)

Qua bảng số liệu cho thấy, số vụ án có luật sư tham gia tại thành phố Hải Phòng từ năm 2015 đến năm 2019 là liên tục tăng và chiếm số lượng lớn, trong đó, số vụ án hình sự chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều (chiếm 34,79% ) so với các vụ án dân sự (chiếm 24,75%), hành chính – lao động (chiếm 4,47%), kinh doanh – thương mại (chiếm 6,66%), các vụ việc tư vấn (chiếm 29,33%). Từ năm 2015 đến năm 2018 số vụ án có luật sư tham gia liên tục tăng nhanh từ 611 vụ năm 2015 tăng lên 1.277 vụ năm 2019, từ năm 2018 đến năm 2019 số vụ án có giảm nhưng giảm nhẹ, giảm 129 vụ. Tuy nhiên số vụ án hình sự có luật sư tham gia trong giai đoạn năm 2015 đến năm 2019 thì tăng liên tục, năm 2018 đến năm 2019 số vụ án có luật sư tham gia giảm nhưng số vụ án hình sự có luật sư tham gia vẫn tăng và năm 2019 thì có số vụ án có luật sư tham gia chiếm số lượng lớn nhất là 591 vụ.

Tỷ lệ số vụ án hình sự có luật sư tham gia qua so với số vụ án có luật sư tham gia các năm cụ thể như sau: Năm 2015 số VAHS có luật sư tham gia là 180 vụ chiếm 29,45%; Năm 2016 số VAHS có luật sư tham gia là 219 vụ chiếm 25,2%; Năm 2017 số VAHS có luật sư tham gia là 370 vụ chiếm 36,0%; Năm 2018 số VAHS có luật sư tham gia là 432 vụ chiếm 31,16%; Năm 2019 số VAHS có luật sư tham gia là 591 vụ chiếm 47,02%.

Như vậy, năm 2019 thì tỷ lệ số VAHS có luật sư tham gia chiếm tỷ lệ cao nhất là 47,02% và thấp nhất là năm 2016 chiếm tỷ lệ 25,2%. Qua đó cho thấy số vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng ngày càng có luật sư tham gia để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo nhiều hơn. Và có xu hướng luật sư ở thành phố Hải Phòng thường hoạt động hành nghề ở lĩnh vực vụ án hình sự cao nhất, sau đó đến lĩnh vực tư vấn và tiếp là vụ án dân sự. Các vụ án về hành chính, lao động, kinh doanh – thương mại đang còn chiếm tỷ lệ thấp.

**Bảng 2.3. Kết quả hoạt động bào chữa của luật sư tại thành phố Hải Phòng trong các vụ án hình sự**

Năm	Tổng số vụ án hình sự có luật sư	Số vụ án hình sự có luật sư chỉ định	Số vụ án hình sự có luật sư được mời	Số vụ án đề nghị của luật sư được Tòa án chấp nhận	Số vụ án đề nghị của luật sư không được Tòa án chấp nhận
2015	180	72	108	52	128
2016	219	90	129	96	123
2017	370	105	265	151	219
2018	432	184	248	193	239
2019	591	213	378	260	331
<b>Tổng</b>	<b>1.792</b>	<b>664</b>	<b>1.128</b>	<b>752</b>	<b>1.040</b>

(Nguồn: Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng)

Cùng với tăng số lượng tham gia của luật sư vào các vụ án hình sự thì chất lượng hoạt động bào chữa của luật sư cũng được nâng cao và có kết quả tốt và uy tín của luật sư, nghề luật sư được đảm bảo, thông qua số liệu các vụ án mà luật sư được mời trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019. Trong giai đoạn từ 2015 đến 2019 thì tổng số vụ án hình sự mà có luật sư được mời là 1.128 vụ chiếm 62,95% so với tổng số VAHS có luật sư tham gia. Còn lại là số vụ án có luật sư chỉ, thực tiễn cho thấy, khi có yêu cầu đề nghị tham gia bào chữa cho các bị cáo theo quy định bắt buộc có luật sư thì đội ngũ luật sư ở thành phố Hải Phòng đã tham gia đầy đủ, chiếm tỷ lệ 100% các vụ án. Qua các năm, thì số VAHS mà các luật sư được mời luôn chiếm tỷ lệ cao hơn số các vụ án hình sự mà chỉ định luật sư và có nhiều biến động, thay đổi. Số vụ án hình sự mà luật sư được mời trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 thì liên tục tăng từ 108 vụ đến 265 vụ. Đến năm 2017 thì lại giảm nhẹ từ 265 vụ xuống 248 vụ nhưng đến năm 2019 số VAHS mà luật sư được mời lại tăng cao từ 248 vụ lên 378 vụ. [8] [9] [10] [11] [12].

Bên cạnh đó, kết quả hoạt động bào chữa của luật sư thành phố Hải Phòng còn thể hiện qua hoạt động đề nghị với Tòa án và được Tòa án chấp nhận cao. Trong tổng số 1.792 VAHS có luật sư tham gia thì số vụ án có đề nghị của luật sư được Tòa án chấp nhận là 752 vụ chiếm 42%, còn lại là số vụ án có đề nghị của luật sư không được Tòa án chấp nhận. Các đề nghị của luật sư trong các vụ án mà được Tòa án chấp nhận như: luật sư đề nghị HĐXX giảm nhẹ khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; luật sư đề nghị HĐXX đình chỉ vụ án khi có căn cứ; Luật sư đề nghị HĐXX tuyên bị cáo không phạm tội... Những vụ án hình sự có đề nghị của luật sư không được Tòa án chấp nhận thì các vụ đó thường là HĐXX tuyên bị cáo phạm tội và áp dụng hình phạt theo đề nghị truy tố của VKS.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Quang Hải - phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ

Vào khoảng 13 giờ 25 phút ngày 05 tháng 4 năm 2019, Nguyễn Quang Hải điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14B-014.18, loại 29 chỗ ngồi đi trên Quốc lộ 10 theo hướng từ tỉnh Quảng Ninh về tỉnh Thái Bình, Hải điều khiển xe ô tô đến đoạn Km 33 thuộc Quốc lộ 10, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, gần nút giao cắt dải phân cách cố định dành cho các phương tiện quay đầu xe và người đi bộ sang đường thì phát hiện thấy ông Bùi Đức Dũng điều khiển xe đạp mini đi cùng chiều từ làn đường dành cho xe thô sơ sang làn đường bên trái chiều đi nhưng Hải không giảm tốc độ đến mức an toàn nên va chạm với xe đạp mini do ông Dũng điều khiển làm ông



Dũng bị thương tích được đưa đi cấp cứu, hậu quả ông Dũng chết. Bị cáo Nguyễn Quang Hải khi điều khiển xe ô tô trên đường xét nghiệm trong máu có nồng độ cồn.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện nội dung: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có dải phân cách cố định chia hai chiều xe chạy riêng biệt, mỗi bên có lòng đường trải nhựa rộng 9,6m. Sát mép đường có làn đường dành cho xe thô sơ rộng 1,9m. Quá trình khám nghiệm lấy mép đường bên phải theo chiều từ Quảng Ninh đi Thái Bình làm chuẩn. Trên hiện trường có các vết trượt sáng màu, còn mới, tương đối song song nhau ở gần vị trí các phương tiện tai nạn. Xe đạp mini bị đổ nghiêng sang phải, đầu xe hướng vào mép phải đường, đuôi xe hướng ra dải phân cách giữa tim đường; trực trước xe cách mép phải đường 8,2m, cách trực sau bên trái xe ô tô biển kiểm soát 14B-014.18 là 0,85m. Trên mặt đường có một đám màu đỏ nghi máu, tâm cách mép phải đường 9,1m, cách trực trước bên trái xe ô tô biển kiểm soát 14B-014.18 là 1,9m. Xe ô tô biển kiểm soát 14B-014.18 hướng tỉnh Thái Bình, trực trước bên phải xe cách mép phải đường 5,7m; trực sau bên trái cách biển báo Km33 là 4,2m; trực sau bên phải cách biển cảnh báo nguy hiểm “giao nhau với đường không ưu tiên” là 28,9m. Biên bản khám nghiệm phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 14B-014.18 thấy phía dưới nắp hộp móc kéo xe, bên trái đầu xe có một vết nứt vỡ có chiều từ trước về sau. Mặt trước chân cần gạt nước phía dưới bên trái xe ô tô có vết vỡ mất phần nhựa. Mặt kính chắn gió phía trước bên trái có vết nứt vỡ, lõm, có chiều từ trước về sau. Xe đạp mini màu đỏ do ông Bùi Đức Dũng điều khiển: Vành trước xe bị cong vênh theo chiều từ trái sang phải. Chấn bunn và thanh đỡ chấn bunn bị cong vắn bó sát vào lớp và vành theo chiều từ sau về trước, từ trái sang phải. Toàn bộ lớp và vành bánh sau bị cong gập theo chiều từ ngoài vào trong, từ trái sang phải.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 64/2019/TT ngày 15 tháng 4 năm 2019 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Bùi Đức Dũng bị tai nạn giao thông chết vì suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục do chấn thương sọ não nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quang Hải đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Bản Cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang Hải về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51, của

Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 3 năm đến 10 năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Về phần bồi thường bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì luật sư của bị cáo Hải đã tư vấn cho Hải và gia đình thực hiện việc bồi thường cho gia đình nạn nhân là ông Dũng để được hưởng tình tiết giảm nhẹ và xin xác nhận từ gia đình ông Dũng về việc giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Hải.

Tại phiên tòa, Luật sư của bị cáo Hải và bị cáo Hải đã cung cấp thêm tình tiết bị cáo Hải đã bồi thường cho gia đình ông Dũng số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), và cung cấp thêm giấy xác nhận việc xin giảm nhẹ cho bị cáo của gia đình ông Dũng.

Vì vậy, Luật sư bào chữa cho bị cáo Hải đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo Hải được 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Luật sư bào chữa cũng phân tích thêm về nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo Hải, như: bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội từ tháng 02 năm 2000 đến tháng 01 năm 2003 xuất ngũ, bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Duy Hưng là bệnh binh 2/3, bị cáo có con trai là Nguyễn Quang Hào, sinh năm 2013 bị chết do tai nạn giao thông ngày 05 tháng 7 năm 2019 và gia đình bị cáo đang thờ cúng thân nhân là liệt sỹ Nguyễn Xuân Đức nên luật sư đề nghị HĐXX xem xét bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, phạm tội do lỗi vô ý, bị cáo có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, trong vụ án này người bị hại ông Bùi Đức Dũng cũng có một phần lỗi khi điều khiển xe đạp đi trên Quốc lộ có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều nhưng chuyển làn không có tín hiệu báo trước và ở nơi không cho phép dẫn đến không bảo đảm được an toàn, đã vi phạm khoản 1 Điều 13 Luật Giao thông đường bộ.

Luật sư bào chữa đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Hải hưởng án treo để có điều kiện cải tạo.

Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được Tòa xem xét và chấp nhận đề nghị của luật sư bào chữa. Ngày 27/11/2019 Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử phạt: Nguyễn Quang Hải 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

### **2.3.2. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Những hạn chế, vướng mắc**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải phòng vẫn đang còn tồn tại những hạn chế, vướng mắc nhất định, cụ thể như:

*Thứ nhất*, số vụ án hình sự có luật sư tham gia bào chữa tuy đã có nhiều những còn rất hạn chế và chưa ổn định. Các vụ án hình sự có luật sư tham gia bào chữa do yêu cầu của CQTHTT đang chiếm tỷ lệ lớn.

*Thứ hai*, chất lượng của đội ngũ luật sư còn thấp, có nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp... làm cho kết quả hoạt động bào chữa của luật sư chưa cao.

*Thứ ba*, Nhận thức của người dân, của bị cáo về vai trò, hoạt động bào chữa của luật sư chưa được chú trọng một cách toàn diện, sâu sắc dẫn đến nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư trong hoạt động bào chữa còn thấp. Thực tiễn cho thấy, trong thời gian quan một số vụ án không có sự tham gia của luật sư nên đã có trường hợp xảy ra oan, sai rất đáng tiếc.

Hoạt động bào chữa của luật sư trong tố tụng hình sự vẫn còn nhiều tồn tại, vướng mắc một phần do CQTHTT và người THTT chưa thực sự đảm bảo cho luật sư thực hiện đầy đủ các hoạt động của mình theo quy định của pháp luật. CQTHTT còn chưa nhìn nhận, đánh giá đúng vị trí cũng như vai trò của luật sư trong hoạt động hành nghề luật sư nói chung và hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Trên thực tế, khi luật sư trình bày, tranh luận tại phiên tòa thì HĐXX chưa thực sự chú tâm, thậm chí không quan tâm đến những lập luận, quan điểm bào chữa đối với vụ án mà luật sư đưa ra. Hơn nữa, nhiều trường hợp HĐXX không chấp nhận những đề nghị của luật sư tại phiên tòa mà không đưa ra lý do chính đáng. Ý kiến tranh luận của luật sư không được ghi lại trong bản án, quyết định của Tòa án.

*Thứ tư*, Mối quan hệ giữa luật sư và CQTHTT và những người THTT chưa chặt chẽ, hỗ trợ nhau. Khi tham gia tố tụng nói chung và tố tụng hình sự nói riêng thì luật sư và những người tiến hành tố tụng phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, có nghĩa vụ tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau và cùng nhau tìm ra sự thật khách quan của vụ án để Tòa án đưa ra phán quyết chính xác. Hơn nữa, luật sư và người THTT còn có nghĩa vụ giám sát nhau trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật. Có thể nói, mối quan hệ này được coi là vừa hợp tác với nhau và vừa đấu tranh lẫn nhau. Các CQTHTT, người THTT còn chưa thực sự tạo

điều kiện cho luật sư thực hiện hoạt động bào chữa của mình nhất là trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Vì vậy, khi mối quan hệ giữa luật sư và CQTHTT, người THTT chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau thì vụ án được giải quyết nhanh chóng, kịp thời, khách quan và toàn diện, đúng pháp luật.

*Thứ năm*, Người bị buộc tội thực hiện hoạt động tự bào chữa còn hạn chế mặc dù BLTTHS năm 2015 đã có nhiều quy định bổ sung về một số quyền của NBBT tạo điều kiện thuận lợi cho NBBT thực hiện hoạt động bào chữa của mình. Tuy nhiên, do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên NBBT chưa phát huy, thực hiện triệt để các quyền của mình trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng là hoạt động bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

*Thứ sáu*: các quy định của BLTTHS năm 2015 về đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo tại giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đang còn có nhiều bất cập. Một số quy định của BLTTHS năm 2015 trong hoạt động bào chữa của NBBT và luật sư bào chữa chưa được hướng dẫn cụ thể, chi tiết và một số quy định còn chưa phù hợp.

#### *2.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc*

Những hạn chế trong hoạt động bào chữa tại thành phố Hải Phòng nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm một số nguyên nhân sau:

*Nguyên nhân chủ quan:*

*Một là*, tỷ lệ số lượng luật sư của thành phố Hải Phòng hiện có so với tổng dân số còn rất thấp.

Số lượng luật sư ở thành phố Hải Phòng hiện nay chưa đủ đáp ứng nhu cầu về dịch vụ pháp lý nói chung và hoạt động bào chữa trong giai đoạn XXST vụ án hình sự nói riêng. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 số lượng luật sư tăng được 76 luật sư [12], đến năm 2019 thì tổng số luật sư đoàn Hải Phòng là 198 nhưng dân số hiện tại là 2.029.000 người [7].

*Hai là*, Phần lớn luật sư tại thành phố Hải Phòng còn thiếu kinh nghiệm thực tế, kỹ năng chuyên môn còn chưa cao.

Trong hoạt động thu thập tài liệu, chứng cứ cho hoạt động bào chữa còn thiếu độ nhạy bén, kinh nghiệm thực tế. Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa chưa thực sự chủ động, nhanh nhạy, kỹ năng tranh luận, tra cứu pháp luật còn yếu. Nhiều luật sư chưa dành nhiều thời gian cho hoạt động nghiên cứu hồ sơ dẫn đến chưa đưa ra được các tình tiết mâu thuẫn, đưa qua định hướng bào chữa đúng đắn, đảm bảo khách quan và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho khách hàng. Một số vụ án, luật sư không đưa ra được các lập luận, chứng cứ gỡ tội, nhất là đối với các vụ án mà luật sư tham gia

theo yêu cầu của CQTHTT thì hoạt động bào chữa tại phiên tòa diễn ra rất mờ nhạt, chỉ thực hiện mang tính hình thức.

Thực tiễn cho thấy một số vụ án có luật sư đưa ra quan điểm bào chữa chưa thống nhất, phía trên thì luật sư đưa ra các lập luận, lý lẽ để chứng minh bị cáo không phạm tội nhưng phần dưới thì luật sư đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hoặc một số trường hợp thì quan điểm bào chữa của luật sư và quan điểm tự bào chữa của bị cáo tại phiên tòa không thống nhất với nhau, bị cáo cho rằng mình vô tội nhưng luật sư lại bào chữa theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Một số luật sư chưa có tinh thần chủ động, trách nhiệm đối với các hoạt động bào chữa của mình, chưa tận tụy với khách hàng, không đảm bảo được chất lượng đối với hoạt động bào chữa của mình.

Một số luật sư khi hành nghề còn vi phạm Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp luật sư, coi trọng thù lao thực hiện vụ việc hơn trách nhiệm của mình, là ảnh hưởng đến uy tín nghề luật sư. Một số luật sư còn nhận một khoản thù lao lớn từ khách hàng để có quan hệ móc nối với người THTT làm sai lệch bản chất khách quan của vụ án hoặc để “chạy án”.

Hiện nay, tại thành phố Hải Phòng còn có nhiều luật sư kiêm nhiệm các công việc khác nên nhiều trường hợp khi nhận bào chữa cho khách hàng thì không có thời gian, công việc chông chéo. Một số trường hợp phải hoãn phiên tòa vì lý do vắng mặt luật sư, không đảm bảo cho thời gian xét xử vụ án hình sự.

*Ba là,* Đối với những NBBT đang bị tạm giam, thì CQTHTT chưa tạo điều kiện để họ thực hiện các hoạt động bào chữa của mình, hoạt động bào chữa của họ thường phải thông qua người khác thực hiện. Trong trường hợp NBBT tự bào chữa thì họ không có điều kiện để tiếp xúc với các văn bản pháp luật, CQTHTT chưa tạo điều kiện để cho phép họ được sao chép tài liệu, hồ sơ vụ án cũng như hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án. Hơn nữa, trong trường hợp NBBT đang bị tạm giam thì CQTHTT chưa tạo điều kiện để NBBT trao đổi, gặp gỡ luật sư bào chữa hoặc CQTHTT gây khó khăn trong việc luật sư thực hiện thủ tục đăng ký bào chữa cho bị can, bị cáo hoặc thủ tục gặp bị can, bị cáo trong trại giam. Một số trường hợp, khi NBBT gặp trao đổi với luật sư bào chữa thì Điều tra viên giám sát cũng có ý ngăn cản việc trao đổi, hay không cho luật sư đặt các câu hỏi đối với bị can, bị cáo.

*Nguyên nhân khách quan:*

*Một là,* Điều kiện kinh tế, xã hội ở nước ta đang trong giai đoạn phát triển, mức thu nhập của người dân chưa đồng đều, nhận thức của người dân, cơ quan tổ tụng, người tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức khác về vai trò và hoạt động bào chữa của luật sư chưa toàn diện. Điều này tác động không nhỏ đến việc phát triển

nghề luật sư, đội ngũ luật sư và chất lượng của luật sư của cả nước nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng. Hơn nữa, các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và chất lượng đào tạo của luật sư còn chưa chặt chẽ, quy định về thành lập, hoạt động, quản lý tổ chức hành nghề luật sư còn lỏng lẻo, đơn giản dẫn đến số lượng và chất lượng của tổ chức hành nghề luật sư còn nhỏ lẻ, mỏng.

*Hai là*, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung một số quyền của NBBT và NBC nhưng chưa đầy đủ và đồng bộ, chưa có các văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể.

Các quy định pháp luật chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của CQTHTT tạo điều kiện cho hoạt động bào chữa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thực hiện một cách đầy đủ và đảm bảo. Một số người tiến hành tố tụng còn có sự cản trở, gây khó khăn cho hoạt động bào chữa của luật sư, NBBT nhất là trong hoạt động tiếp cận với hồ sơ vụ án và đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh...

Một số quy định chưa có hướng dẫn cụ thể và chưa có chế tài để đảm bảo cho bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình tại phiên tòa như: hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu; hoạt động gặp, trao đổi với bị can, bị cáo; quyền được biết các tài liệu, hồ sơ bổ sung của bị cáo khi Tòa án thu thập, bổ sung hoặc yêu cầu các cơ quan tiến hành thu thập bổ sung các tài liệu, chứng cứ...

Một số quy định về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn chưa phù hợp và cần có hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

*Ba là*, Một số bộ phận cán bộ tư pháp, người tiến hành tố tụng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị còn thấp, thậm chí có một số cán bộ còn sa sút phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp có thái độ xem thường hoạt động bào chữa. Vì vậy, dẫn đến hoạt động bào chữa trong tố tụng nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng chưa đạt được chất lượng cao và còn gặp nhiều khó khăn.

*Bốn là*, Công tác giám sát, quản lý, theo dõi hoạt động hành nghề của luật sư và tổ chức hành nghề luật sư còn chưa chặt chẽ dẫn đến việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật cũng như vi phạm quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư còn chưa kịp thời, nghiêm minh.

## **Tiểu kết chương 2**

Ở Chương 2 của luận văn tác giả đã làm rõ một số vấn đề về thực trạng hoạt động bào chữa trong XXST VAHS tại thành phố Hải Phòng, như sau:

Thứ nhất: Phân tích về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng, nhưng yếu tố như: Số lượng và chất lượng của đội ngũ luật sư thành phố Hải Phòng; Nhận thức pháp luật của người bị buộc tội; Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của thẩm phán, hội thẩm ở thành phố Hải Phòng.

Thứ hai: Tác giả đã phân tích một cách khái quát hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại thành phố Hải Phòng. Ở vấn đề này tác giả phân tích các hoạt động bào chữa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và giai đoạn xét xử tại phiên tòa sơ thẩm của NBBT và luật sư bào chữa.

Thứ ba: Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng. Trên cơ sở số liệu thực tiễn, cho thấy rằng, số lượng các vụ án hình sự có số luật sư tham gia bào chữa ở Hải Phòng ngày càng tăng. Hoạt động bào chữa ngày càng cao, đạt hiệu quả nhất định, không những bảo vệ được quyền, lợi ích cho bị cáo mà hoạt động bào chữa còn góp phần giúp CQTHTT tìm ra sự thật khách quan một cách nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật. Hoạt động bào chữa cũng đã góp phần tạo nên uy tín của luật sư và nghề luật sư trong xã hội. Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng hoạt động bào chữa trong XXST VAHS tại thành phố Hải Phòng vẫn có nhiều hạn chế, yếu kém xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Do vậy, cần thiết phải có những phương hướng, giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa trong XXST VAHS được tác giả đề cập ở Chương 3 của luận văn.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

### 3.1. Yêu cầu của cải cách tư pháp về vấn đề nâng cao chất lượng hoạt động bảo chữa

Cải cách tư pháp được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Cải cách tư pháp là xây dựng một hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, có tổ chức, hiện đại, có kỷ cương phép nước và niềm tin của nhân dân đối với đảng và Nhà nước. Trong hoạt động tư pháp, giai đoạn xét xử được coi là trọng tâm, quan trọng nhất vì ở giai đoạn này Tòa án nhân danh Nhà nước đưa ra phán xét một người là có tội hay không có tội. Hoạt động bảo chữa tuy không phải là hoạt động tư pháp nhưng lại có mối liên hệ gắn chặt, hỗ trợ cho hoạt động tư pháp được thực hiện có hiệu quả. Hoạt động bảo chữa không những là công cụ hữu hiệu để giúp cho các cá nhân, tổ chức bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bảo vệ quyền con người mà còn bảo vệ pháp chế Xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn, hoạt động bảo chữa đang còn gặp một số vướng mắc, khó khăn làm cho chất lượng xét xử vụ án hình sự còn chưa được đảm bảo. Vì vậy, để khắc phục những bất cập, khó khăn đó Đảng và Nhà nước đã đề ra các yêu cầu, nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động bảo chữa cũng như để nâng cao chất lượng của hoạt động tư pháp. Cụ thể các chính sách được thể hiện trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước như sau:

- Nghị quyết 49- NQ/TW của Ban chấp hành trung ương Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đưa ra nhiệm vụ cụ thể của cải cách tư pháp: *“Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”* [4]. Việc nâng cao hoạt động tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội tại các phiên tòa xét xử được xem là một trong những nhiệm vụ của cải cách tư pháp và có tính cấp thiết, mang tính quyết định đối với việc đổi mới hoạt động tư pháp.

- Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị cũng nêu rõ: *“Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... Việc phán quyết*



*của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn... để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục trong thời hạn luật định. Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để Luật sư tham gia vào quá trình tố tụng, tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa”. [2]*

- Hội nghị lần thứ ba, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII cũng đề ra nghị quyết: *“Đổi mới quản lý nhà nước đối với các hoạt động luật sư...phù hợp với chủ trương xã hội hóa, kết hợp quản lý nhà nước với vai trò tự quản của các tổ chức nghề nghiệp. Đào tạo và phát triển đội ngũ luật sư có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy vai trò của họ trong tư vấn và trong tố tụng...”*.

Vì vậy, tăng cường hoạt động tranh tụng trong tố tụng hình sự được xác định là cấp thiết của cải cách tư pháp. Hoạt động tranh tụng trong tố tụng hình sự thực chất là thực hiện hai chức năng cơ bản của tố tụng hình sự là chức năng buộc tội và chức năng gỡ tội, hai chức năng này có hướng ngược nhau, đối trọng nhau và mang tính phản biện. Khi thực hiện hoạt động tranh tụng trong tố tụng hình sự thì các chủ thể thực hiện được tạo điều kiện bình đẳng với nhau trong việc bày tỏ quan điểm và bảo vệ quan điểm của mình trong suốt quá trình tố tụng nhất là trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Tăng cường hoạt động tranh tụng trong tố tụng hình sự có ý nghĩa quan trọng việc đảm bảo tính dân chủ, công bằng của các chủ thể thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, tăng cường hoạt động tranh tụng cũng là một trong những giải pháp quan trọng, đặt ra yêu cầu đối với các cán bộ tư pháp tự nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và bản lĩnh, trách nhiệm nghề nghiệp của mình để đáp ứng những yêu cầu của cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra.

Hoạt động bào chữa có vai trò rất quan trọng và không thể thiếu trong hoạt động tranh tụng trong vụ án hình sự. Hoạt động bào chữa được thực hiện xuyên suốt trong cả quá trình tố tụng vụ án hình sự mà không chỉ đơn thuần giới hạn ở hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Có thể khẳng định rằng, nếu không có hoạt động bào chữa thì hoạt động tranh tụng không thể thực hiện được đúng nghĩa. Như vậy, khi thực hiện hoạt động tranh tụng tại phiên tòa thì Tòa án phải tạo điều kiện để hoạt động bào chữa được thực hiện một cách độc lập, khách quan và NBBT, luật sư phải chủ động tiến hành thực hiện việc thu thập các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật đưa ra các lý lẽ, lập luận thuyết phục để đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho NBBT.

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật**

### **3.2.1. Hoàn thiện quy định về hoạt động bào chữa của người bị buộc tội**

*Thứ nhất:* cần bổ sung quy định về quyền của người bị buộc tội là bị cáo có quyền “*Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa*” tại Điều 61 BLTTHS năm 2015.

Quyền này đã được BLTTHS năm 2015 bổ sung và quy định tại điểm i khoản 1 Điều 60, theo đó, bị can có quyền “*Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu*” nhưng lại không được quy định cho bị cáo có quyền này. Theo quan điểm của tác giả thì không những bị can mà bị cáo rất cần được nghiên cứu hồ sơ trong tất cả các giai đoạn tố tụng nhất là giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để đảm bảo tính khách quan của các tình tiết, chứng cứ có trong vụ án hơn nữa đảm bảo tính dân chủ, công bằng trong hoạt động bào chữa của bị cáo tại phiên tòa;

*Thứ hai:* cần mở rộng hơn quyền đặt câu hỏi của bị cáo tại điểm i khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 và các quy định khác có liên quan.

Tại điểm i khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 quy định bị cáo có quyền “*Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý*” theo đó tại phiên tòa thì bị cáo có quyền gián tiếp và trực tiếp đặt câu hỏi đối với những người tham gia phiên tòa; thực hiện quyền hỏi bằng cách đề nghị chủ tọa hỏi và việc đặt câu hỏi trực tiếp của bị cáo thì phải được chủ tọa đồng ý. Như vậy, việc thực hiện hoạt động hỏi của bị cáo đang bị giới hạn theo ý chí của chủ tọa phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đồng ý thì bị cáo mới thực hiện được quyền này, trường hợp chủ tọa không đồng ý thì bị cáo không thực hiện được hoạt động đặt câu hỏi của mình. Đây được coi là một quy định hạn chế hoạt động bào chữa của bị cáo tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Theo quan điểm của tác giả cho rằng việc thực hiện đặt câu hỏi của bị cáo không nên bị giới hạn bởi việc cho phép của chủ tọa phiên tòa mà cần phải được mở rộng theo hướng bị cáo có quyền đặt câu hỏi đối với những người tham gia tố tụng khác, chủ tọa phiên tòa có quyền cất những câu hỏi trùng lặp, không liên quan đến vụ án mà bị cáo đưa ra. Quy định như thế sẽ đảm bảo được quyền tự do trình bày của bị cáo, đảm bảo quyền công bằng, dân chủ đối với bị cáo. Như vậy, cần sửa quy định tại điểm i khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 thành bị

cáo có quyền “đặt câu hỏi đối với những người tham gia tố tụng khác, chủ tọa phiên tòa có quyền cắt những câu hỏi trùng lặp, không liên quan đến vụ án”.

*Thứ ba:* cần bổ sung thêm quyền được ghi chép, sử dụng các tài liệu theo quy định pháp luật tại phiên tòa cho bị cáo.

BLTTHS năm 2015 đã bổ sung các quyền của bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện các hoạt động bào chữa cho mình trong tố tụng hình sự cũng như trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, để đảm bảo cho hoạt động bào chữa tại phiên tòa thì cần thiết phải cho phép bị cáo thực hiện việc ghi chép lại nội dung, diễn biến vụ án tại phiên tòa mà bị cáo cho là cần thiết để thực hiện việc tranh luận cũng như bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Và bị cáo được sử dụng các văn bản quy định pháp luật, các tài liệu liên quan khác để thực hiện hoạt động bào chữa cho mình trong tố tụng hình sự nhất là tại phiên tòa xét xử. Việc bổ sung quy định này đảm bảo được tính khách quan, dân chủ tại phiên tòa cũng như giúp bị cáo nắm rõ được diễn biến của phiên tòa và nội dung buộc tội của VKS, từ đó thuận lợi hơn cho hoạt động bào chữa của mình. Mặt khác, trong hoạt động tranh tụng thì bị cáo phải tham gia tranh tụng, đối đáp với bên buộc tội là VKS là người có kiến thức pháp luật và có đầy đủ hồ sơ vụ án nên có thể thực hiện việc viện dẫn tài liệu, chứng cứ và căn cứ pháp luật dễ dàng hơn. Vì vậy, theo quan điểm của tác giả thì việc bổ sung quyền được ghi chép và sử dụng các tài liệu liên quan tại phiên tòa của bị cáo là cần thiết.

*Thứ tư:* bổ sung quyền của bị cáo tại điểm a khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 về quyền “được biết các kết quả của hoạt động điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự”

Các quy định tại Điều 60, Điều 232, Điều 238, Điều 245 có quy định bị can có quyền được nhận các kết quả của hoạt động điều tra bổ sung như bản kết luận điều tra bổ sung, bản cáo trạng bổ sung hoặc các quyết định khác trong hoạt động điều tra bổ sung nhưng lại không có quy định cho bị cáo có quyền nhận các quyết định trên. Nếu các quyết định này không được giao cho bị cáo thì trong hoạt động bào chữa của mình bị cáo không thực hiện được đầy đủ, bị cáo không được tiếp cận các tài liệu bổ sung mới thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động bào chữa cũng như việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Vì vậy, các kết quả của hoạt động điều tra bổ sung của cơ quan tiến hành tố tụng phải được giao cho bị cáo và quy định phải được bổ sung vào các quy định về quyền của bị cáo.

### **3.2.2. Hoàn thiện quy định về hoạt động bào chữa của luật sư**

*Thứ nhất:* cần quy định bổ sung các chế tài tương ứng với các quyền của người bào chữa (luật sư bào chữa).

Thực tiễn trong hoạt động bào chữa của mình các luật sư thực hiện các quyền như sao chụp hồ sơ vụ án; gặp, trao đổi với bị can, bị cáo; thu thập tài liệu, chứng cứ ... gặp rất nhiều khó khăn, do các cơ quan tiến hành tố tụng có hành vi cản trở, không hỗ trợ cho luật sư thực hiện công việc, hoặc đối với các cơ quan, tổ chức đang lưu giữ các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án thì khi luật sư đi thu thập thì các cơ quan này không cung cấp các tài liệu, chứng cứ mà họ đang nắm giữ, nhiều trường hợp còn từ chối tiếp nhận yêu cầu cung cấp tài liệu của luật sư. Pháp luật hiện nay chưa có một chế tài nào cũng như chưa có quy định về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, cá nhân, tổ chức khác có hành vi cản trở, gây khó khăn cho hoạt động của luật sư hoặc các hành vi cố tình che giấu, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ của các cá nhân, tổ chức khi luật sư bào chữa vụ án liên quan có yêu cầu. Cần được coi đó là những hành vi vi phạm nghiêm trọng tố tụng hình sự để có chế tài xử lý. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung các quy định về chế tài đối với những cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi cản trở, gây khó khăn khi luật sư thực hiện các quyền để bào chữa cho bị cáo đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được kịp thời, nhanh chóng, khách quan và đúng pháp luật, tránh trường hợp dẫn đến oan, sai trong tố tụng hình sự.

*Thứ hai:* Quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện việc thu thập chứng cứ, tài liệu khi luật sư không thể thu thập được.

Tại điểm k khoản 1 Điều 73 cũng như khoản 3 Điều 81 BLTTHS năm 2015 quy định về quyền thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa, trường hợp không thể thu thập được thì người bào chữa có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập. Có thể nói rằng đây là một quy định tiến bộ, tạo điều kiện cho luật sư thực hiện hoạt động bào chữa của mình, tuy nhiên, hoạt động này lại phụ thuộc vào yếu tố chủ quan từ phía cơ quan tiến hành tố tụng. Chưa có quy định nào quy định về trách nhiệm của CQTHTT trong việc thực hiện hoạt động thu thập tài liệu, chứng cứ khi có đề nghị của luật sư. Cũng như chưa có quy định về việc luật sư đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, tài liệu nhưng không thu thập được do cá nhân, cơ quan, tổ chức đang nắm giữ chứng cứ, tài liệu không cung cấp. Việc không thực hiện hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu hoặc không thu thập được của CQTHTT có ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết khách quan của vụ án,

đảm bảo quyền, lợi ích của NBBT và sẽ dẫn đến oan, sai trong tố tụng hình sự. Vì vậy, việc bổ sung các quy định về trách nhiệm của CQTHTT là cần thiết.

*Thứ ba:* Cần quy định chi tiết, cụ thể về quyền “Gặp, hỏi người bị buộc tội” tại điểm a khoản 1 Điều 73 BLTTHS năm 2015.

Quy định chung chung này đã gây không ít khó khăn cho hoạt động gặp, hỏi trao đổi với NBBT của luật sư. Chưa có quy định hướng dẫn về hoạt động gặp, hỏi này được thực hiện theo trình tự, thủ tục hay quy định nào. Ví dụ như: quy định về thời gian, trình tự, thủ tục luật sư gặp NBBT, việc gặp này là gặp riêng hay có sự giám sát của cán bộ tư pháp và quy định về đảm bảo bí mật thông tin trao đổi giữa luật sư và NBBT không?. Chính việc chưa có quy định nào về hoạt động này làm cho CQTHTT đã gây khó khăn cho luật sư khi thực hiện đối với những người bị buộc tội đang bị tạm giam, tạm giữ. Theo quan điểm của tác giả, cũng như ở một số nước phát triển thì việc gặp giữa luật sư và NBBT được gặp riêng để đảm bảo bí mật thông tin trao đổi và có quy định về trình tự, thủ tục rõ ràng.

*Thứ tư:* Sửa đổi quy định về sự có mặt của luật sư bào chữa tại phiên tòa.

Tại quy định Điều 291 BLTTHS năm 2015: “ *...Nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử*”. Việc quy định này là không phù hợp, mở phiên tòa trong trường hợp này sẽ không đảm bảo được quyền bào chữa cho bị cáo cũng như sẽ không đảm bảo được giải quyết khách quan của vụ án. Theo quan điểm của tác giả thì nên quy định luật sư vắng mặt lần thứ hai mà có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan thì toàn án quyết định hoãn phiên tòa, trường hợp nếu luật sư đã gửi trước bản bào chữa và bị cáo đồng ý thì tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử bình thường. Vì vậy, nên sửa quy định trên như sau: “ *...Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa và triệu tập lần thứ hai. Nếu người bào chữa vắng mặt lần thứ hai cũng vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì tòa án vẫn tiếp tục hoãn phiên tòa. Trường hợp vắng mặt lần thứ hai mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nhưng người bào chữa đã gửi bản bào chữa thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử*”.

### **3.3. Các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

#### **3.3.1. Đối với đội ngũ luật sư**

*Một là:* xây dựng đội ngũ luật sư cả nước nói chung và ở thành phố Hải Phòng nói riêng có đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, nắm vững các quy định pháp luật; giỏi về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; rèn luyện hành nghề với tính chất “trung thực, độc lập, tôn trọng sự thật khách quan”. Phát triển đội ngũ luật sư cả về số lượng đi đôi với chất lượng nhằm đáp ứng với nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý nói chung cũng như luật sư bào chữa nói riêng. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn luật sư, chú trọng trong hoạt động đào tạo thực tiễn đi đôi với đào tạo kỹ năng hành nghề. Nâng cao uy tín của nghề luật sư trong xã hội cũng như đẩy mạnh việc thu hút đối với các chuyên gia pháp lý vào nghề luật sư.

Việc đào tạo luật sư phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật về luật sư cũng như các quy định pháp luật liên quan, đặc biệt chú trọng đào tạo, giáo dục chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luật sư hành nghề có bản lĩnh chính trị vững vàng, không bị biết chất trước cám dỗ của đồng tiền, không bị dao động trước diễn biến phức tạp của tình hình vụ án. Luật sư phải thường xuyên cập nhật đầy đủ các thông tin về pháp luật, chính trị, xã hội, kinh tế, có kỹ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn trong hành nghề, không chỉ giỏi chuyên môn mà còn am hiểu ở tất cả các lĩnh vực khác của xã hội. Để đảm bảo được những yêu cầu này, trước hết chúng ta cần đảm bảo về số lượng của luật sư so với nhu cầu của xã hội, đồng thời đáp ứng về kỹ năng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Bên cạnh đó, việc đào tạo luật sư còn phải đáp ứng những yêu cầu cao của xã hội như: kỹ năng ngoại ngữ, có lĩnh vực chuyên sâu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng hành nghề đối với luật sư không những có ý nghĩa giúp đội ngũ luật sư về kỹ năng hành nghề mà còn giúp họ nhận thức đúng đắn về hoạt động, vai trò và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tương lai, đối với uy tín cá nhân cũng như đối với uy tín của nghề luật sư. Bên cạnh đó, yêu cầu của cải cách tư pháp cũng đòi hỏi về chất lượng và số lượng của đội ngũ luật sư. Vì vậy, để đáp ứng được nhu cầu của cải cách tư pháp thì công tác đào tạo phải đảm bảo tính khoa học, hợp lý và phù hợp với thực tiễn ở nước ta hiện nay. Đồng thời việc đào tạo nguồn luật sư ở nước ta hiện nay cũng cần tiếp thu kinh nghiệm ở các nước khác.

Hơn nữa, việc đào tạo luật sư phải căn cứ vào mục đích hành nghề, chủ yếu được tập trung đào tạo về kỹ năng hoặc đào tạo chuyên sâu nghề, đào tạo lý thuyết đi

đôi với việc cõ xát thực tiễn hành nghề hoặc đào tạo theo hướng chuyên sâu theo khả năng của từng luật sư. Mặt khác, cần tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao trang thiết bị giảng dạy sẽ cải thiện được chất lượng đào tạo cũng như thu hút trong hoạt động đào tạo nghề. Cũng như cần chú trọng đến chất lượng đội ngũ giảng viên, thông thường có các giảng viên cơ hữu hoặc trực tiếp giảng dạy là các luật sư có kinh nghiệm trên thực tiễn. Kết hợp hình thức đào tạo học đi đôi với thực hành, thực hành ở đây là tham gia vào việc cõ xát với nghề.

Cải cách tư pháp là củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp, phân định thẩm quyền cho tòa án nhân dân, đổi mới tổ chức cho viện kiểm sát nhân dân, hoạt động của kiểm sát viên, điều tra viên, cơ quan thi hành án và cơ quan hỗ trợ tư pháp. Trong công cuộc đổi mới bộ máy tư pháp thì đặt ra yêu cầu phải tập trung phát triển đội ngũ luật sư chuyên nghiệp có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn cao, đòi hỏi đội ngũ luật sư phát huy hoạt động bảo chữa của mình, nhất là trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Vì vậy, đào tạo đội ngũ luật sư nhất là kỹ năng thực tiễn nghề nghiệp là thực tiễn thực hiện hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đóng vai trò quan trọng. Mặt khác, cũng cần thực hiện đa dạng hóa công tác đào tạo nghề luật sư theo chương trình đào tạo Quốc gia, học hỏi kinh nghiệm đào tạo của các nước trên thế giới; thực hiện đào tạo chuyên sâu theo năng lực, thực hiện việc đào tạo liên kết với quốc tế và khu vực trong việc đào tạo luật sư hội nhập kinh tế quốc tế.

*Hai là:* Hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư theo hướng nâng cao vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội, củng cố vị thế và phát huy vai trò của Liên đoàn luật sư Việt Nam trong việc tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, quản lý luật sư và hành nghề luật sư, tạo nền tảng pháp lý để phát triển đội ngũ luật sư và hoạt động hành nghề luật sư chuyên nghiệp, phục vụ đắc lực cho công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế; phát triển các tổ chức hành nghề luật sư quy mô lớn, hoạt động chuyên sâu trong các lĩnh vực, có thương hiệu, uy tín trong khu vực và trên thế giới; phát triển thị trường dịch vụ pháp lý của luật sư, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý luật sư của cá nhân, cơ quan, tổ chức; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư; tăng cường vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư trong công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư, đảm bảo tuân thủ pháp luật, tuân theo quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động hành nghề luật sư; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, tuân theo quy tắc

đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư; xử lý kỷ luật và xử lý vi phạm pháp luật đối với luật sư.

*Ba là:* Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý về luật sư và hành nghề luật sư, nâng cao năng lực bộ máy cơ quan quản lý nhà nước, đội ngũ cán bộ tư pháp thực hiện công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư; thực hiện có hiệu quả nguyên tắc quản lý nhà nước với phát huy vai trò tự quản của tổ chức luật sư; tiếp tục tăng cường hợp tác có hiệu quả giữa các luật sư, tổ chức luật sư của Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho nghề luật sư ở Việt Nam hội nhập quốc tế; tăng cường trách nhiệm của Liên đoàn luật sư Việt Nam, các Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc phát triển số lượng và đảm bảo chất lượng đào tạo luật sư; phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư và tổ chức hành nghề luật sư. Củng cố, kiện toàn cơ cấu, tổ chức các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư từ Trung ương đến địa phương, nhằm phát huy vai trò tự quản của Liên đoàn luật sư Việt Nam, các Đoàn luật sư trong việc quản lý luật sư và hành nghề luật sư; ban hành các Quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, quy chế phối hợp trong công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư; quy chế phối hợp trong đào tạo, bồi dưỡng luật sư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với tổ chức, hoạt động luật sư; có hình thức tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế về luật sư và hành nghề luật sư.

*Bốn là:* Có chính sách kích thích nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của cá nhân, cơ quan, tổ chức; ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực tham gia hoạt động hành nghề luật sư; có phương thức cung cấp thông tin và tiếp cận thông tin dễ dàng, thuận lợi giữa công dân, cơ quan, tổ chức với tổ chức, hoạt động luật sư; có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, hoạt động luật sư ở các địa phương vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

*Năm là:* Nâng cao vị trí, vai trò của đội ngũ luật sư trong việc tham gia hoạch định chính sách, xây dựng, giám sát thực thi pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội, góp phần bảo đảm thực hiện chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, bảo vệ công lý, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

*Sáu là:* Chế độ đãi ngộ đối với luật sư, nhất là luật sư chỉ định cần được quan tâm. Việc trả thù lao cho luật sư chỉ định quá thấp so với thù lao mà họ được hưởng khi được mời ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động bào chữa. Nhà nước cần có chế độ



thù lao thoả đáng với công sức mà luật sư đã bỏ ra để bào chữa cho người bị buộc tội để động viên, khuyến khích luật sư tham gia tích cực và có trách nhiệm cao trong mọi trường hợp Đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử luật sư tham gia bào chữa. Trong tương lai cần xây dựng cơ chế tổ chức và hoạt động của luật sư công cho phù hợp với tình hình quốc tế.

*Bảy là:* Cho phép người tập sự hành nghề luật sư được tham gia một số hoạt động tố tụng hình sự dưới sự kèm cặp, giám sát của luật sư hướng dẫn để tránh tình trạng thiếu vắng việc thực hành kỹ năng thực tế trong quá trình tập sự. Tuy nhiên, việc thực hiện một số hoạt động này không phải diễn ra trong toàn bộ quá trình tố tụng hình sự mà chỉ nên dừng lại ở một số hoạt động như thu thập chứng cứ, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tham gia một số hoạt động điều tra như có mặt khi hỏi cung, lấy lời khai của đương sự, thực nghiệm điều tra..., tham gia phiên tòa. Chỉ có như vậy, người tập sự hành nghề luật sư mới nhận thức được kỹ năng hành nghề, ý thức tuân thủ pháp luật, tác phong, đạo đức nghề nghiệp cần thiết của luật sư khi thực hiện hoạt động bào chữa; có cơ hội tiếp xúc, làm quen với nghề nhưng không gây cản trở và tác động không tốt đến quá trình giả quyết vụ án hình sự. Nâng cao chất lượng tập sự hành nghề luật sư thông qua việc các Đoàn luật sư thực hiện nghiêm túc cơ chế giám sát người tập sự hành nghề luật sư, luật sư hướng dẫn, tổ chức hành nghề luật sư trong việc tuân theo Quy chế tập sự hành nghề luật sư; tạo điều kiện thuận lợi để người tập sự được nghiên cứu, tiếp cận những kiến thức pháp luật mới, đồng thời tạo cơ hội cho người tập sự được trực tiếp tham gia hoạt động nghề nghiệp, nâng cao kỹ năng hành nghề. Liên đoàn luật sư cần quan tâm đến việc hướng dẫn và giám sát việc thực hiện Quy chế tập sự hành nghề luật sư.

### **3.3.2. Đối với người tiến hành tố tụng.**

Quyền bào chữa của người bị buộc tội sẽ không thể được đảm bảo nếu như chủ thể tiến hành tố tụng không nhận thức đúng nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của nó. Người tiến hành tố tụng phải xác định được vai trò chủ động mình trong toàn bộ quá trình tố tụng, phải nhận thức được việc đổi mới trong hoạt động xét xử theo hướng từ tố tụng thiên về xét hỏi trước đây sang tố tụng thiên về tranh tụng nhiều hơn. Để từ đó có những chuẩn bị đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, về hồ sơ chứng cứ và về cả bản lĩnh tranh tụng để đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới. Mặt khác, trong nhận thức của mỗi người tiến hành tố tụng phải loại bỏ được tâm lý “e ngại” luật sư; phải nhận thức được có luật sư hay người bào chữa khác tham gia tố tụng ngay từ giai đoạn khởi tố điều tra, thậm chí từ khi có người bị bắt, bị tạm giữ sẽ giúp cho vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện và đúng qui định của pháp luật,

tránh được những trường hợp cơ quan điều tra vi phạm tố tụng hoặc bỏ sót chứng cứ mà Viện kiểm sát không phát hiện kịp, dẫn đến phải trả hồ sơ điều tra bổ sung hay tệ hơn là bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội; cần nhận thức được vai trò của người bào chữa tham gia vụ án không chỉ nhằm đảm bảo quyền bào chữa của người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo mà còn như một người “tuýt còi” trước những vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án của các chủ thể tiến hành tố tụng; phải nhận thức được sự có mặt của người bào chữa trong vụ án không gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, họ chỉ bác bỏ việc buộc tội nếu thiếu căn cứ chứ không phải là “đối thủ” của các cơ quan tiến hành tố tụng. Người bào chữa có thể đưa ra các căn cứ, tình tiết có giá trị giúp cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, triệt để trên cơ sở xem xét đầy đủ các tình tiết buộc tội và gỡ tội, vì vậy, cơ quan và người tiến hành tố tụng cần phải tạo điều kiện cho người bào chữa thực hiện tốt chức năng, quyền hạn của họ. Từ đôi mắt về nhận thức, người tiến hành tố tụng phải tự trau dồi cho mình những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nắm chắc các văn bản pháp luật, đặc biệt các văn bản pháp luật chuyên ngành để từ đó nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Mặt khác, cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tế cho những người tiến hành tố tụng; xây dựng đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán thực sự “*giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật*”, biết vận dụng tốt các kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ vào hoạt động thực tiễn đáp ứng yêu cầu mới của Hiến pháp. Đồng thời, người tiến hành tố tụng phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực thi nhiệm vụ và cơ quan tiến hành tố tụng phải đặt ra các yêu cầu cụ thể về việc thường xuyên trau dồi đạo đức nghề nghiệp và chế tài áp dụng đối với những trường hợp vi phạm. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần xây dựng cơ chế thu hút người có năng lực vào ngành tư pháp; phối hợp với những cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp xây dựng các chương trình đào tạo chức danh tư pháp chất lượng cao đáp ứng đòi hỏi của thực tế. Việc đào tạo này cần được chú trọng ngay từ thời điểm đào tạo cử nhân có chất lượng nhằm tạo tiền đề cho việc đào tạo các chức danh tư pháp.

Bên cạnh đó, cơ quan và người tiến hành tố tụng được giao nhiệm vụ giải quyết vụ án phải bảo đảm quyền được bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo và đảm bảo sự tham gia của người bào chữa theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để người bào chữa nghiên cứu hồ sơ, có mặt trong các giai đoạn tố tụng của vụ án; tôn trọng và xem xét đầy đủ, kịp thời ý kiến của người bào chữa theo quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm việc điều tra, thu thập chứng cứ khách quan, toàn diện và

đúng pháp luật. Phải xác định và thực hiện nghiêm túc yêu cầu mới Hiến pháp đặt ra đó là đảm bảo quyền bào chữa của công dân ngay từ khi họ bị bắt, bị tạm giữ.

### ***3.3.3. Tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.***

Nhận thức không đúng về vai trò và vị trí của luật sư - người bào chữa chính là rào cản lớn làm cho sự tham gia của người bào chữa trở nên khó khăn, trong khi bản thân người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ lại không có khả năng bào chữa hiệu quả. Phần lớn do, nhận thức, hiểu biết pháp luật của người dân nói chung và người bị buộc tội nói riêng còn hạn chế. Đây là một trong những nguyên nhân khiến người bị buộc tội và người thân của họ chưa ý thức được tầm quan trọng của luật sư trong việc tham gia giải quyết vụ án hình sự. Do đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao hiểu biết của người dân về kiến thức pháp luật. Qua đó giúp người dân có ý thức tuân thủ pháp luật, nhận thức được và tự bảo vệ những lợi ích chính đáng của bản thân. Cần thiết phải thay đổi nhận thức của người dân nói chung và người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói riêng khi cho rằng, sự tham gia tố tụng của người bào chữa là không cần thiết và tốn kém, hay thậm chí e ngại sự có mặt của người bào chữa sẽ khiến cho các cơ quan tố tụng thiếu thiện cảm với mình. Vì vậy, việc nâng cao hiểu biết của người dân về sự cần thiết tham gia tố tụng của người bào chữa chính là đảm bảo cho người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của họ theo Hiến định. Để làm được việc này, chúng ta cần xây dựng thói quen sống và làm việc theo pháp luật của công dân; nâng cao trình độ dân trí; phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng bằng các hình thức đơn giản, dễ tiếp cận, lôi cuốn được sự chú ý của nhiều người như xây dựng những bộ phim trong đó đề cao vai trò của luật sư bảo vệ có hiệu quả cho người bị buộc tội .

### Tiểu kết chương 3

Để nâng cao chất lượng của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ nói chung cũng như tại địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng, trên cơ sở các vấn đề về lý luận cũng như thực trạng về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm ở thành phố Hải Phòng, ở Chương 3 tác giả đã đưa một số giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật cũng như góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Để đưa ra được các giải pháp thì tác giả đã phân tích những yêu cầu của cải cách tư pháp về vấn đề nâng cao chất lượng bào chữa. Cụ thể các giải pháp như:

Thứ nhất: Giải pháp về hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan như: Giải pháp về quyền của người bào chữa và việc đảm bảo thực hiện quyền bào chữa; Giải pháp hoàn thiện các quy định về việc mời và cấp thông báo bào chữa cho người bào chữa; Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan khác.

Thứ hai: Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử nói chung và tại thành phố Hải Phòng nói riêng, cụ thể các giải pháp như: Xây dựng đội ngũ luật sư có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, nắm vững luật pháp, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, hành nghề; Hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư; Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý về luật sư và hành nghề luật sư; Có chính sách trong kích thích nhu cầu cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư; các chính sách về chế độ đãi ngộ cho luật sư... và các chính sách đối với người tiến hành tố tụng trong các hoạt động liên quan đến hoạt động bào chữa và các giải pháp về tăng cường tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật.

## KẾT LUẬN

Với đề tài “*Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*”, tác giả đã nghiên cứu các nội dung sau:

1. Nghiên cứu, phân tích một cách cụ thể, chi tiết những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự;
2. Nghiên cứu, đánh giá về thực trạng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng;
3. Kiến nghị, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói chung và tại thành phố Hải Phòng nói riêng.

Hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được hiểu là tất cả những việc mà pháp luật tố tụng hình sự cho phép người bị buộc tội hoặc người bào chữa được phép thực hiện nhằm mục đích hướng đến việc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội, giảm nhẹ tội hoặc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của người bị buộc tội được bắt đầu kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và kết thúc khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc.

BLTTHS năm 2015 đã kế thừa, bổ sung và mở rộng các quy định về quyền của NBBT và NBC tạo điều kiện cho hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử đạt hiệu quả cao, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội. Hoạt động bào chữa không những nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội mà còn bảo vệ quyền con người, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại thành phố Hải Phòng hiện nay đã đạt được những kết quả khả quan. Các hoạt động được thể hiện cụ thể như: nghiên cứu hồ sơ vụ án; gặp, trao đổi với bị cáo; hoạt động đề xuất, kiến nghị với Tòa án; Thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa; chuẩn bị kế hoạch hỏi và bài bào chữa... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động bào chữa tại thành phố Hải Phòng còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Để nâng cao chất lượng của hoạt động bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, tác giả đã đề xuất một số giải pháp tại Chương 3 của luận văn. Bên cạnh những kết quả nghiên cứu được thì luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả luận văn rất mong nhận được sự đóng góp để luận văn hoàn thiện hơn./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài (đồng chủ biên), (2018), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
5. Bộ công an (2019), *Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 Quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố*, Hà Nội;
6. Nguyễn Ngọc Chí (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội;
7. Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng <haiphong.gov.vn>;
8. Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng “*Báo cáo kết quả hoạt động của năm 2015*”;
9. Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng “*Báo cáo kết quả hoạt động của năm 2016*”;
10. Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng “*Báo cáo kết quả hoạt động của năm 2017*”;
11. Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng “*Báo cáo kết quả hoạt động của năm 2018*”;
12. Đoàn luật sư thành phố Hải phòng “*Báo cáo kết quả hoạt động của năm 2019*”;
13. *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, (2007), Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
14. *Giáo trình Luật tố tụng hình sự* (2006), Nxb Tư pháp, Hà Nội;
15. Đoàn Thị Ngọc Hải (2017), “*Một số vấn đề về quyền của người bị buộc tội theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*”;
16. Phạm Hồng Hải (1999), *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
17. Phạm Hồng Hải (1999), “*Vị trí của luật sư bào chữa trong phiên tòa xét xử*”, Luật học, (4);

18. Phan Trung Hoài (2006) “*Hoàn thiện pháp luật về luật sư ở Việt Nam*”, NXB Tư pháp,
19. Nguyễn Huy Hoàn, VKSND huyện Tam Dương, (2016), “*Quyền của bị can, bị cáo trong Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015*”;
20. Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2019), *Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam*, Hà Nội;
21. Đào Thị Nga, Nguyễn Trí Chinh (2012), *Hoạt động của luật sư trong giai đoạn xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 19, kỳ I tháng 10/2012.
22. Nxb Từ điển bách khoa (1999), *Từ điển luật học*, Hà Nội.
23. Nxb Tư pháp (2006), *Từ điển luật học*, Hà Nội;
24. Nxb Đà Nẵng (2002), *Từ điển Tiếng Việt*;
25. Nxb bách khoa Đà Nẵng (2006), *Từ điển tiếng việt*,
26. Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện ngôn ngữ học, Trung tâm từ điển ngôn ngữ (1999), *Từ điển tiếng Việt*;
27. Võ Thị Kim Oanh (2011), *Sách chuyên khảo xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM;
28. Nguyễn Văn Phương (2014), *Vai trò của luật sư – người bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
29. Đinh Văn Quế (2001), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
30. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội;
31. Quốc Hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội;
32. Quốc Hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội;
33. Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Hà Nội;
34. Quốc hội (2012), *Luật luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012*, Hà Nội.
35. Lê Văn Quyến: “*Vai trò của luật sư trong hoạt động xét xử hình sự ở nước ta hiện nay*” (Tạp chí Dân chủ và pháp luật)
36. Nguyễn Văn Tuấn (2005), *Pháp luật về luật sư và đạo đức nghề nghiệp luật sư*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. TS. Nguyễn Văn Tuấn: “*Thực trạng tranh tụng và vấn đề nâng cao vai trò của luật sư trong tranh tụng trước yêu cầu cải cách tư pháp*”
38. Vũ Gia Trường – VPLS Phạm Hồng Hải: “*Vai trò của luật sư trong việc thu*

*thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong vụ án hình sự*

39. Ngô Thị Ngọc Vân (2016), *Hoạt động bào chữa của Luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án Tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
40. Nguyễn Quốc Việt, Đinh Thế Công, Nguyễn Bình (Dịch giả) (1985), *Thuật ngữ pháp lý phổ thông*, Bản dịch tiếng Việt từ nguyên bản tiếng Nga, Nxb Pháp lý, Hà Nội;
41. Võ Khánh Vinh,( 2002), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
42. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (2018), *Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19 tháng 10 năm 2018 Quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội;
43. Ph.N.Phatkulin trong cuốn “*Buộc tội và bào chữa trong vụ án hình sự*” Nxb Đại học Tổng hợp Cadan, C-1976, (Tiếng Nga);